Cái thằng tên là Quạ

"Vậy là cậu đã sẵn sàng về mặt tiền nong?" Cái thằng tên là Quạ hỏi bằng cái giọng uể oải đặc trưng của nó. Cái thứ giọng khi vừa thức giấc, miệng còn thấy nề nề và nhạt thếch. Nhưng nó chỉ giả bộ thế thôi. Nó hoàn toàn tỉnh táo. Như bao giờ cũng vậy?

Tôi gật đầu.

Bao nhiêu?"

Tôi nhẩm lại trong đầu. "Ngót ba lăm nghìn tiền mặt, cộng thêm một số có thể rút từ một điểm ATM[[1]](#_17__Nguoi_hoac_tac_pham_thanh_c) nào đó. Tớế không phải là nhiều, nhưng chừng nấy cũng đủ. Tạm thời thế đã."

"Không tồi," cái thằng cu tên là Quạ nói. "Tạm thời vào lúc này."

Tôi lại gật đầu.

"Tớ đoán đây không phải là quà của ông già Noel nhân dịp Giáng sinh đấy chứ."

"Ừ, cậu đoán đúng," tôi đáp.

Quạ cười và nhìn quanh. "Tớ chắc cậu đã bắt đầu bằng cách lục lọi ngăn kéo của ai đó, đúng không?"

Tôi không nói gì. Nó biết rõ tiền đó là của ai, cần gì phải hỏi han dài dòng. Nó chỉ muốn hành tôi thôi.

"Không sao," Quạ nói. "Cậu thật sự cần có số tiền ấy và cậu phải xoay xở để kiếm cho ra - xin xỏ, vay mượn hay lấy trộm. Đó là tiền của cha cậu, cho nên chẳng bận gì đến ai, phải không nào? Quơ được ngần nấy là cậu có thể đạt mục tiêu rồi. Tạm thời thế đã. Nhưng còn kế hoạch sau khi nhẵn túi thì sao? Tiền không như nấm trong rừng - nó không tự mọc lên, cậu biết đấy. Cậu sẽ cần có cái ăn, chỗ ngủ. Một ngày nào đó, cậu sẽ nhẵn túi."

"Tớ sẽ nghĩ đến chuyện đó vào đúng thì đúng lúc," tôi nói.

"Đúng thì đúng lúc," Quạ nhắc lại như thể cân từng chữ trong lòng bàn tay.

Tôi gật đầu.

"Kiếm một việc làm, hay đại loại như vậy?"

"Có thể," tôi nói.

Quạ lắc đầu. "Cậu biết đấy, còn ối thứ cậu phải học ở đời. Nghe đây - liệu một thằng nhóc mười lăm tuổi ranh có thể kiếm được công việc gì ở một nơi xa lắc trước đó nó chưa từng đặt chân tới? Cậu chưa học hết cấp hai. Cậu nghĩ ai sẽ mướn cậu?"

Tôi hơi đỏ mặt. Chẳng cần nói phũ lắm mới khiến tôi đỏ mặt.

"Thôi quên đi nhé," nó nói. "Cậu mới chỉ bắt đầu, đáng ra tớ không nên nhồi cho cậu những điều ngán ngẩm như vậy. Cậu đã quyết định điều mình sắp sửa làm, giờ chỉ còn việc khởi động thôi. Tớ muốn nói đó là cuộc đời của cậu. Về cơ bản, cậu sống theo cách mà cậu cho là đúng."

Chính xác. Xét cho cùng, đó là cuộc đời của tôi.

"Tuy nhiên, tớ sẽ nói với cậu một điều này. Cậu sẽ phải cực nhọc hơn rất nhiều nếu cậu muốn thành công."

"Tớ đang cố gắng hết mình," tôi nói.

"Tớ dám chắc thế," Quạ nói. "Mấy năm vừa qua, cậu đã mạnh lên rất nhiều. Tớ phải công nhận thế."

Tôi lại gật đầu.

"Nhưng ta hãy nhìn thẳng vào sự thật - cậu mới mười lăm tuổi," Quạ nói tiếp. "Cuộc đời cậu mới chỉ bắt đầu và có vô số điều trên thế gian cậu chưa bao giờ để mắt tới. Những điều cậu không thể tưởng tượng nổi."

Như mọi khi, chúng tôi ngồi bên nhau trên chiếc sofa cũ trong thư phòng của cha tôi. Quạ thích căn phòng này và tất cả những đồ vật nho nhỏ rải rác quanh đó. Lúc này, nó đang mân mê một cái chặn giấy bằng thủy tinh hình con ong. Nếu cha tôi có nhà, ắt chẳng đời nào Quạ mon men được tới gầ

"Nhưng tớ cần ra khỏi nơi này," tôi nói với nó. "Không còn con đường nào khác."

"Ờ, tớ đồ là cậu có lý." Nó đặt cái chặn giấy lên bàn. "Bỏ nhà đi đâu có giải quyết được mọi chuyện. Tớ không muốn can ngăn cậu, nhưng nếu tớ là cậu, tớ sẽ không tính chuyện trốn khỏi nơi này. Bất kể đi xa đến đâu chăng nữa. Khoảng cách chẳng giải quyết được gì hết."

Thằng cu tên là Quạ buông một tiếng thở dài rồi đặt hai đầu ngón tay lên hai mí mắt nhắm nghiền và nói với tôi từ trong bóng tối được tạo ra bằng cách đó.

"Có muốn chơi trò của chúng mình không?" nó nói.

"Được," tôi nói. Tôi nhắm mắt lại và hít một hơi thật sâu.

"Ô-kê. Hãy tưởng tượng một trận bão cát ghê gớm," nó nói. "Gạt bỏ mọi thứ khác ra khỏi đầu."

Tôi làm theo lời nó, gạt mọi thứ khác ra khỏi đầu. Thậm chí quên cả mình là ai. Tôi là một cái gì hoàn toàn trống trơn. Rồi các thứ bắt đầu nổi lên. Những thứ mà, trong khi chúng tôi ngồi đây trên chiếc sofa bọc da cũ kỹ trong thư phòng cha tôi, cả hai chúng tôi đều có thể trông thấy.

"Đôi khi, số phận giống như một cơn bão cát nhỏ cứ xoay chiều đổi hướng liên tục," Quạ nói.

Đôi khi, số phận giống như một cơn bão cát nhỏ cứ xoay chiều đổi hướng liên tục. Mày đổi hướng nhưng cơn bão cát đuổi theo mày. Mày lại quặt ngả khác, nhưng cơn bão cũng chỉnh hướng theo. Cứ thế quay tới quay lui, mày diễn tới cùng cái trò ấy như một điệu nhảy báo điềm gở với cái chết dữ ngay trước bình minh. Tại sao? Vì cơn bão cát ấy không phải là một cái gì từ xổi tới, một cái gì không liên quan đến mày. Cơn bão ấy là mày. Một cái gì bên trong mày. Cho nên tất cả những gì mày có thể làm là cam chịu nó, bước thẳng vào trong cơn bão, nhắm mắt lại và bịt chặt tai để cát khỏi lọt vào và từng bước một đi xuyên qua nó. Ở đó, không có mặt trời, không có mặt trăng, không phương hướng, cũng chẳng có ý thức gì về thời gian. Chỉ có cát trắng mịn xoáy lốc lên trời như xương nghiền tơi thành bụi. Đó là một thứ bão cát mà mày cần tưởng tượng ra.

Và tôi làm đúng như thế. Tôi tưởng tượng một cái phễu trắng dựng thẳng đứng như một sợi dây chão lớn. Mắt tôi nhắm nghiền, hai tay úp vào tai để cho những hạt cát nhỏ không lọt được vào. Cơn bão cát mỗi lúc một đến gần. Tôi có thể cảm thấy sức ép của không khí trên làn da. Nó thực sự đang nuốt chửng tôi.

Thằng cu tên là Quạ khẽ khàng đặt tay lên vai tôi và thế là cơn bão tan biến.

"Từ giờ trở đi, bất kể thế nào, cậu cũng chỉ là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới. Chỉ có bằng cách ấy cậu mới sống qua nổi. Và để làm điều đó, cậu phải hiểu rõ kiên cường nghĩa là thế nào. Cậu nghe tớ đấy chứ?"

Tôi tiếp tục nhắm mắt và không trả lời. Tôi chỉ muốn cứ thế này ngụp vào giấy ngủ với bàn tay nó đặt trên vai tôi. Tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh rất nhẹ.

"Cậu sắp là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới," Quạ thì thầm trong khi tôi cố ngủ. Như thể nó đang khắc những lời đó thành một hình xăm xanh thẳm vào tim tôi.

Và mày thực sự sẽ phải vượt qua được cơn bão tượng trưng, siêu hình, dữ dội ấy. Bất kể nó có thể siêu hình hay tượng trưng đến đâu, chớ có mảy may lầm lẫn về nó: nó sẽ cứa vào thịt như cả ngànưỡi dao cạo. Nhiều người sẽ tướp máu và cả mày cũng sẽ tướp máu. Máu nóng đỏ tươi. Bàn tay mày sẽ dính máu ấy. Máu của chính mày và máu của kẻ khác.

Và khi cơn bão đã chấm dứt, mày sẽ không nhớ mình đã làm thế nào mà vượt qua được nó, làm thế nào mà mình đã sống sót. Thậm chí mày cũng sẽ không biết chắc là cơn bão đã thật sự chấm dứt hay chưa nữa. Nhưng điều này thì chắc chắn. Khi mày ra khỏi cơn bão, mày sẽ không còn là con người đã dấn bước vào nó. Ý nghĩa của cơn bão là như thế đó.

Vào dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, tôi sẽ trốn khỏi nhà, đến một tỉnh xa lắc và sống trong một góc của một thư viện nhỏ. Chắc phải mất cả tuần mới nói hết chuyện với đầy đủ chi tiết. Vậy nên tôi sẽ chỉ nêu điểm chính. Vào dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, tôi sẽ trốn khỏi nhà, đến một tỉnh xa lắc và sống trong một góc của một thư viện nhỏ.

Nghe hơi giống truyện thần thoại. Nhưng xin hãy tin tôi, đây không phải là truyện thần thoại. Bất kể bạn muốn cài vào đó ẩn ý gì đi nữa.

Chương 1

Tiền mặt không phải là thứ duy nhất tôi lấy từ thư phòng cha tôi khi bỏ nhà đi. Tôi còn lấy một cái bật lửa nhỏ cũ bằng vàng - tôi thích kiểu dáng của nó và cái cảm giác khi mân mê nó - và một con dao nhíp lưỡi rất sắc. Vốn được chế tạo để lột da hươu nai, nó có lưỡi dài hơn hơn mười hai phân và khá nặng. Có lẽ cha tôi đã mua nó trong một chuyến đi ngoại quốc. Tôi cũng lấy một cây đèn pin rất sáng, chắc khỏe, loại bỏ túi, từ một ngăn kéo. Cộng thêm chiếc kính râm nhãn Revo màu xanh ời để che giấu tuổi.

Tôi tính lấy chiếc Rolex Sea-Dweller Oyster ưa thích của cha tôi. Đó là một cái đồng hồ đẹp, nhưng những gì sang trọng hào nhoáng chỉ tổ thu hút sự chú ý. Cái đồng hồ Casio rẻ tiền bằng plastic có chuông báo thức và nút bấm giờ của tôi cũng tốt chán và trên thực tế có thể hữu ích hơn. Cực chẳng đã, tôi trả chiếc Rolex về ngăn kéo của nó.

Từ đáy một ngăn kéo khác, tôi lấy ra một tấm ảnh cũ của tôi chụp chung với chị gái tôi hồi còn bé, hai đứa đang cười toét miệng trên một bãi biển đâu đó. Chị tôi nhìn nghiêng nên một nửa mặt bị tối khiến nụ cười gần như bị cắt làm đôi. Trông tựa như một cái mặt nạ bi kịch Hy Lạp trong một quyển sách giáo khoa về hai ý tưởng đối lập nhau. Ánh sáng và bóng tối. Hy vọng và tuyệt vọng. Cười vui và buồn bã. Tin tưởng và cô đơn. Còn tôi thì hiên ngang nhìn thẳng vào máy chụp hình. Chẳng có ai khác trên bãi biển. Hai chị em mặc đồ bơi - chị tôi mặc chiếc áo tắm một mảnh màu đỏ in hoa, còn tôi đánh chiếc quần đùi cũ lùng thùng màu lơ. Tôi cầm trong tay một cây gậy bằng chất dẻo. Bọt sóng trắng xóa xô bờ tràn lên chân chúng tôi.

Ai chụp tấm hình này, ở đâu và khi nào, tôi không sao nhớ ra nổi. Và làm sao mà nom tôi lại hớn hở đến thế? Và tại sao cha tôi lại chỉ giữ độc một bức ảnh này? Toàn bộ câu chuyện là một bí mật hoàn toàn. Hồi đó, chắc tôi mới lên ba, chị tôi lên chín. Chị em tôi có bao giờ thực sự hòa hợp nhau đến thế không nhỉ? Tôi không nhớ là đã có bao giờ đi nghỉ ở biển, hoặc bất kỳ đâu, với gia đình. Dù sao cũng chẳng thành vấn đề - cách gì tôi cũng sẽ không để lại tấm hình này cho cha tôi, vì vậy tôi nhét nó vào ví. Tôi không có tấm ảnh nào của mẹ tôi. Cha tôi vứt hết đi rồi.

Sau khi nghĩ một lúc, tôi quyết định mang theo chiếc điện thoại di động. Một khi biết là tôi đã lấy nó, có lẽ cha tôi sẽ báo cho công ty điện thoại cắt bỏ dịch vụ. Tuy nhiên, tôi vẫn cứ ném nó vào ba lô cùng với cục sạc. Chẳng nặng thêm máy tí, vậy thì tạ không. Khi nào không dùng được nữa thì tôi sẽ quẳng đi.

Chỉ những thứ thiết yếu tối thiểu, đó là tất cả những gì tôi cần. Chọn quần áo mang theo là điều khó khăn nhất. Tôi sẽ cần một đôi áo len và mấy bộ đồ lót. Nhưng còn sơ mi và quần dài, quần soọc? Găng tay, khăn quàng, áo khoác? Bao nhiêu thứ kể sao cho hết. Tuy nhiên có một điều tôi biết chắc: tôi không muốn lang thang ở một nơi xa lạ với một cái ba lô tổ bố lạy-ông-tôi-ở-bụi-này. Ớ này mọi người, hãy kiểm tra cái thằng trốn khỏi nhà! Làm thế tất có người cảnh giác và để ý ngay. Tíêp đó cảnh sát sẽ bắt tôi tống thẳng về nhà. Nếu như trước đó tôi chưa rơi vào một băng đảng nào đó.

Dứt khoát loại trừ bất cứ nơi nào lạnh. Khá dễ, chỉ việc chọn ngược lại - một nơi ấm áp. Như vậy, tôi có thể bỏ lại áo khoác và găng, mà vẫn coi là tươm với nửa số quần áo. Tôi chọn loại giặt chóng khô không cần là, những đồ nhẹ nhất mà tôi có, gấp lại gọn gàng và nhét vào balô. Tôi cũng tống vào đó một cái túi ngủ ba mùa, loại có thể cuộn lại gọn và chặt, đồ dùng vệ sinh, áo mưa, sổ tay và bút, một cái Walkman với mười cái CD (tôi phải có âm nhạc riêng của mình chứ) kèm một bộ pin dự trữ. Đại loại thế thôi. Không cần đồ đun nấu nặng nề lỉnh kỉnh, chiếm quá nhiều chỗ, vì đồ ăn có thể mua ở cửa hàng thực phẩm địa phương.

Cũng mất chút thời gian, song tôi đã có thể loại khối thứ khỏi danh sách. Tôi cứ thêm thêm bớt bớt thứ này thứ nọ, rồi cuối cùng xóa đi hết.

Dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi là thời điểm lý tưởng để bỏ nhà ra đi. Trước đó thì quá sớm. Muộn hơn thì lỡ cơ hội.

Trong hai năm đầu tiên ở trường cấp hai, tôi đã vạch kế hoạch và luyện rèn cho ngày này. Tôi đã bắt đầu tập judo trong hai năm ở cấp một và vẫn tiếp tục khi lên cấp hai. Nhưng tôi không tham gia đội của trường. Hễ có thời gian là tôi lại tập chạy quanh sân trường, bơi hoặc đến phòng tập thể dục của địa phương. Các huấn luyện viên trẻ ở đây đã dạy tôi miễn phí, bày cho tôi loại bài tập căng giãn tốt nhất và cách dùng những máy móc thiết bị nâng cao sức khoẻ để làm cho thân thể nở nang. Họ dạy tôi những cơ nào ta dùng hằng ngày, những cơ nào chỉ có thể tăng cường bằng máy móc thiết bị, thậm chí cả cách chuẩn mực để cử tạ ở tư thế nằm trên ghế. Tôi vốn đã khá cao, và với tất cả những cách tập dượt ấy, vai và các bắp thịt vùng ngực của tôi phát triển khá rõ. Phần lớn những người lạ đều đoán tôi mười bảy. Nếu tôi trốn nhà đi mà nom bộ dạng đúng như tuổi thật của mình thì thể nào cũng nảy sinh khối vấn đề.

Ngoài các huấn luyện viên ở phòng tập và bà quả gia hằng ngày đến nhà chúng tôi - và tất nhiên, một số lượng người tối thiểu cần thiết để không gây chú ý ở trường - hầu như tôi không trò chuyện với ai. Đã khá lâu, cha con tôi tránh mặt nhau. Chúng tôi sống chung dưới một mái nhà, nhưng thời gian biểu của chúng tôi hoàn toàn khác nhau. Phần lớn thời gian ông ở trong phòng làm việc của mình, và tôi cố hết sức tránh mặt ông.

Trường tôi học là một trường phổ thông cơ sở tư thục dành cho trẻ con tầng lớp trên hay ít nhất cũng là con nhà giàu. Nó thuộc loại trường mà ở đó anh cứ tự khắc lên cấp hai ở ngay cùng khuôn viên trừ phi anh thực sự quá tốt. Tất cả học sinh đều ăn mặc gọn gàng, hàm răng đều tăm tắp, và chán thấy mồ. Cố nhiên, tôi chẳng có bạn nào cả. Tôi đã xây quanh mình một bức tường, không để ai lọt vào trong, còn bản thân thì cố không mạo hiểm ra ngoài. Ai có thể ưa một đứa như vậy? Tất cả bọn chúng quan sát tôi từ xa. Có thể chúng ghét tôi hay thậm chí sợ tôi, nhưng tôi lại thấy mừng là chúng không quấy rầy tôi. Vì tôi có hàng tấn việc phải lo toan, kể cả việc bỏ nhiều thời gian vào ngốn sách trong thư viện.

Tuy vậy, tôi ất chú ý nghe giảng trong lớp. Đúng như thằng cu tên là Quạ gợi ý.

Những sự việc và kỹ thuật hoặc bất cứ điều gì họ dạy cậu trong lớp sẽ chẳng mấy hữu ích trong thế giới thực tại, đó là cái chắc. Ta hãy nhìn thẳng vào sự thật, các thầy cô giáo, về cơ bản, là một lũ ngu đần. Nhưng cậu phải nhớ điều này: cậu đang bỏ nhà đi. Có lẽ cậu sẽ chẳng còn cơ may đi học nữa, cho nên dù muốn hay không, tốt nhất là cứ hấp thu bất cứ điều gì có thể trong khi cậu có cơ hội. Hãy trở thành giống như tờ giấy thấm và thấm hết vào. Sau này, cậu có thể hình dung ra cái gì nên giữ và cái gì nên trút bỏ.

Tôi làm theo lời nó như trong hầu hết mọi trường hợp. Với bộ óc như miếng bọt biển, tôi tập trung vào từng lời giảng để nó thấm vào trong đầu, hình dung ra ý nghĩa của nó và nhập tất cả vào bộ nhớ. Nhờ vậy, tôi hầu như không phải học ngoài giờ, mà bao giờ cũng xếp gần đầu bảng trong mọi kỳ thi.

Cơ bắp của tôi trở nên rắn như thép, trong khi tôi càng ngày càng kín đáo và lặng lẽ. Tôi cố hết sức không để lộ cảm xúc sao cho không ai - bạn cùng lớp cũng như thầy cô giáo - có được chút manhmối nào để đoán được tôi đang nghĩ gì. Chẳng bao lâu, tôi sẽ bị ném vào thế giới người lớn thô bạo và tôi biết mình cần phải cứng cỏi nếu muốn sống còn.

Mắt tôi trong gương nom lạnh như mắt thằn lằn, thần thái trân trân không ai đọc nổi. Tôi không nhớ nổi lần cuối cùng tôi cười thành tiếng hoặc thậm chí nhếch mép với ai - kể cả chính mình - là bao giờ.

Tôi không định ngụ ý rằng giờ nào phút nào tôi cũng có thể giữ nguyên cái bề mặt lặng lẽ biệt lập ấy. Thi thoảng bức tường tôi dựng lên quanh mình đổ sập xuống. Cái đó không xảy ra luôn, nhưng đôi lần, trước khi tôi kịp nhận ra điều gì đang đến thì đùng một cái, tôi đã trơ khấc ra - trần tg, chẳng có gì che đỡ và hoàn toàn rối trí. Những lúc như thế, bao giờ tôi cũng cảm thấy một điềm báo hiện ra trước mắt như một vũng nước đen ngòm hiện diện ở khắp nơi.

Một vũng nước đen ngòm hiện diện ở khắp nơi

Có lẽ lúc nào nó cũng thường trực ở đó, khuất kín đâu đây. Nhưng vào đúng thời điểm, nó lặng lẽ trào ra, làm ớn lạnh từng tế bào trong cơ thể mày. Mày đắm trong dòng lũ tàn bạo đó, hớp miệng ráng thở. Mày bám lấy một lỗ thông hơi gần trần nhà, vùng vẫy, nhưng chút không khí mày hít được khô rang, làm bỏng cổ họng. Nước và cơn khát, lạnh và nóng - những yếu tố được coi là đối lập ấy phối hợp lại để tấn công mày.

Thế giới là một không gian khổng lồ, nhưng chẳng tìm đâu ra cái không gian sẽ dung nhận mày, mà nào có cần rộng gì lắm đâu. Mày kiếm tìm một tiếng nói, nhưng mày được cái gì? Im lặng. Mày tìm im lặng, nhưng thử đoán xem cái gì đến? Tất cả những gì mày nghe thấy, nghe đi nghe lại, nghe tái nghe hồi, chỉ là tiếng nói của cái điềm báo ấy. Và đôi khi cái tiếng nói tiên tri ấy lại bật một cái nút bí mật gá sâu trong óc mày.

Tim mày như một dòng sông lớn sau một đợt mưa dài, nước tràn bờ. Tất cả các cột báo hiệu từng đứng trên mặt đất đều đi tiêu, chìm ngập hoặc bị cuốn đi bởi dòng nước lũ ấy. Và mưa vẫn cứ rào rào xuống mặt nước. Mỗi lần mày đọc thấy một tin lũ như thế, mày lại tự nhủ: Nó đấy. Trái tim mình đấy.

Trước khi trốn khỏi nhà, tôi rửa tay, rửa mặt, sửa móng tay móng chân, cọ sạch tai và đánh răng. Tôi cứ nhẩn nha kỳ cọ thật kỹ toàn thân cho chắc ăn. Đôi khi, thực sự sạch sẽ là điều quan trọng nhất. Tôi nhìn thật kỹ mặt mình trong gương. Gien của cha tôi và mẹ tôi - mặc dù tôi không hề nhớ diện mạo mẹ tôi ra sao - đã tạo nên khuôn mặt này. Tôi có thể ráết sức không để lộ một cảm xúc nào, giữ cho đôi mắt không bộc lộ bất cứ điều gì, tăng cường cơ bắp, nhưng với diện mạo của mình thì tôi bất lực. Tôi không sao thoát nổi cặp lông mày dài rậm của cha tôi với cái rãnh sâu ở giữa. Tôi có thể giết ông nếu tôi thực sự muốn - chắc chắn là tôi đủ mạnh để làm việc đó - và tôi có thể xóa mẹ tôi khỏi trí nhớ. Nhưng không cách nào xóa được cái gien họ truyền cho tôi. Nếu tôi muốn khử cái đó đi thì chắc tôi phải thủ tiêu chính mình.

Và lại có lời tiên tri ấy nữa. Cái cơ chế được gá bên trong tôi.

Một cơ chế được gá tận bên trong mày.

Tôi tắt đèn và ra khỏi buồng tắm. Một ắng lặng nặng nề, ẩm ướt bao trùm ngôi nhà. Tiếng thì thầm của những người không hiện hữu, hơi thở của những người đã chết. Tôi nhìn quanh, đứng im sững và hít một hơi thật sâu. Đồng hồ chỉ ba giờ chiều, hai chiếc kim lạnh lùng, xa cách. Chúng làm ra vẻ trung lập nhưng tôi biết chúng không đứng về phía tôi. Đã sắp đến lúc tôi phải nói lời từ biệt. Tôi khoác ba lô trên vai. Tôi đã đeo thử nó bao nhiêu lần, nhưng giờ đây tôi cảm thấy nó nặng hơn bội phần.

Tôi quyết định chọn Shikoku. Đó là nơi tôi sẽ tới. Tôi chọn Shikoku không vì lý do gì đặc biệt, mà chỉ bởi khi nghiên cứu bản đồ, tôi cảm thấy đó là nơi tôi nên nhắm tới. Càng nhìn vào bản đồ - thực tế là mỗi lần nghiên cứu nó - tôi càng thấy Shikoku hấp dẫn. Nó ở cách xa Tokyo về phía Nam, khí hậu ấm áp, lại có nước ngăn cách với đất liền. Tôi chưa tới đó bao giờ, chẳng có bạn bè hoặc bà con nào ở đó, cho nên nếu như người ta nảy ra ý định tìm tôi - điều mà tôi chẳng mấy tin là sẽ xảy ra - ắt chẳng ai nghĩ đến Shikoku.

Tôi đến quầy vé lấy chiếc vé đã đặt trước và leo lên chuyến xe buýt đêm. Đây là cách rẻ nhất để đi từ Tokyo đến Takamatsu - chỉ hơn mười ngàn yen[[2]](#filepos2617140) tí chút. Không ai để ý đến tôi, hỏi tôi bao nhiêu tuổi hoặc nhìn tôi đến lần thứ hai. Người lái xe soát vé của tôi tỉnh khô như cái máy.

Chỉ một phần ba số ghế có người ngồi. Phần lớn hành khách đi một mình như tôi và chiếc xe tĩnh lặng lạ kỳ. Đến Takamatsu là cả một chặng đường dài, theo ước định là mười tiếng đồng hồ, có nghĩa sáng sớm hôm sau mới tới. Nhưng tôi bất cần. Tôi có ối thời gian mà. Xe rời bến lúc tám giờ và tôi ngả lưng ghế ra phía sau. Vừa mới yên vị, ý thức của tôi đã lịm chìm như cục pin hết điện và tôi ngủ thiếp đi.

Một lúc nào đó, khoảng nửa đêm, trời bắt đầu mưa dữ. Thi thoảng, tôi thức giấc, hé tấm rèm ở cửa xe nhìn ra con đường xa lộ vùn vụt qua. Những giọt mưa đập vào mặt kính, làm nhòe những ngọn đèn ven đường trải dài hun hút với những khoảng cách bằng nhau như thể chúng được cắm để đo trái đất vậy. Lại một ngọn đèn nữa xô tới gần và loáng một cái đã vụt biến đằng sau chúng tôi. Tôi nhìn đồng hồ, thấy đã quá nửa đêm. Và, tự khắc bị đẩy ra sân khấu, sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi liền xuất hiện.

"Chúc mừng sinh nhật," thằng cu tên Quạ nói.

"Cám ơn," tôi đáp.

Tuy nhiên, điềm báo vẫn đeo tôi như một cái bóng. Tôi kiểm tra cho chắc là bưc tường quây quanh mình vẫn còn nguyên. Rồi tôi khép rèm và ngủ tiếp.

Chương 2

Tài liệu sau đây, được Bộ Quốc Phòng Mỹ xếp loại Tối mật, đã được công bố vào năm 1986 theo Nghị định về Tự do Thông tin. Tài liệu này hiện được giữ tại Viện Lưu Trữ Quốc Gia ở Washington D.C. và có thể truy nhập tại đó.

Cuộc điều tra ghi lại dưới đây được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Thiếu tá James P.Warren từ tháng Ba đến tháng Tư năm 1946. Cuộc điều tra tại hiện trường ở Hạt (tên bị xóa), tỉnh Yamanashi, do Trung Úy Robert O’Connor và Trung sĩ Harold Katayama thực hiện. Người hỏi cung trong tất cả các cuộc thẩm vấn là Trung úy O’Connor. Trung sĩ Katayama phiên dịch tiếng Nhật và Binh nhì William Cohen lo việc chuẩn bị tài liệu.

Các cuộc thẩm vấn được tiến hành trong thời gian mười hai ngày tại phòng tiếp khách của tòa thị chính của Thị xã (tên bị xóa) tỉnh Yamanashi. Những nhân chứng dưới đây trả lời những câu hỏi của Trung Úy O’Connor, riêng rẽ từng người: một cô giáo ở trường công Thị xã (xóa) Hạt (xóa), một bác sĩ ở cùng thị xã, hai tuần tra viên thuộc cảnh sát địa phương và sáu trẻ em.

Những bản đồ khu vực này, tỉ lệ 1/10.000 và 1/2.000 kèm theo đây do Viện Địa Hình, Bộ Nội Vụ cung cấp.

BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)

Ngày: 12 tháng Năm năm 1946

Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm, 1944

Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42213-WWN

Dưới đây là bản ghi âm cuộc thẩm vấn Setsuko Okamochi (26 tuổi), phụ trách lớp 4B trường công Thị xã (xóa), Hạt (xóa). Những tư liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn có thể truy nhập theo số PTTX-722-SQ-u8.

Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O’Connor: Setsuko Okamochi là một phụ nữ bé nhỏ, hấp dẫn. Thông minh và có trách nhiệm, cô ta trả lời câu hỏi một cách chuẩn xác và trung thực. Tuy nhiên dường như cô vẫn còn hơi bị sốc bởi sự kiện đó. Trong khi moi óc cố nhớ lại, đôi khi cô trở nên rất căng thẳng và lúc nào như vậy, cô đều có khuynh hướng nói chậm lại.

Tôi nghĩ lúc đó chắc mới hơn mười giờ sáng một chút, tôi trông thấy một vệt sáng bạc ở tít trên trời. Một ánh bạc chói ngời. Đúng thế, đó rành là ánh sáng phản chiếu trên một vật bằng kim loại. Ánh sáng ấy chuyển động rất chậm trên trời từ Đông sang Tây. Chúng tôi đều nghĩ hẳn là một chiếc B-29. Nó bay thẳng đứng trên đầu chúng tôi thành thử muốn nhìn nó chúng tôi phải ngửa cổ lên. Trời bữa ấy trong xanh và rực sáng nên tất cả những gì chúng tôi có thể nhìn thấy chỉ là cái vật sáng bạc như đuy-ra ấy.

Nhưng chúng tôi không thể xác định được hình thù vì nó bay quá cao. Tôi đồ rằng họ cũng không nhìn thấy chúng tôi, nên chúng tôi không sợ bị tấn công hoặc bất thình lình bị một trận mưa bom trút xuống đầu. Dù sao đi nữa, ném bom ở cái vùng núi này cũng là vô dụng. Tôi hình dung là chiếc máy bay này đang trên đường đi ném bom một thành phố lớn ở đâu đó hoặc có thể từ một cuộc oanh kích trở về. Cho nên chúng tôi cứ tiếp tục đi. Tôi chỉ nghĩ có một điều: làm sao cái vệt sáng ấy lại có vẻ đẹp kỳ lạ đến thế!

- Theo hồ sơ quân sự thì không có cuộc ném bom nào của không lực Mỹ hoặc bất cứ loại máy bay nào khác bay qua vùng này vào thời điểm đó, tức khoảng mười giờ sáng ngày 7 tháng Mười một năm 1944.

Nhưng tôi trông thấy nó rõ ràng và cả mười sáu em học sinh lớp tôi cũng thấy. Tất cả chúng tôi đều nghĩ đó hẳn là một chiếc B-29. Bọn tôi đều đã thấy nhiều đội hình B-29, và đó là loại máy bay duy nhất có thể bay cao đến thế. Trong tỉnh chúng tôi có một căn cứ không quân nhỏ và thỉnh thoảng tôi có thấy máy bay Nhật bay nhưng tất cả đều nhỏ và không thể bay cao như cái tôi nhìn thấy bữa ấy. Với lại, cái cách đuy-ra phản chiếu ánh sáng không giống các loại kim khí khác, và loại máy bay duy nhất làm bằng đuy-ra là B-29. Tuy nhiên, tôi cũng thấy hơi lạ là nó bay độc trọi một mình, không trong đội hình.

- Cô có sinh ở vùng này không?

Không, tôi sinh ở Hiroshima. Tôi lấy chồng năm 1941 và đó là lúc tôi chuyển đến đây. Chồng tôi là thày giáo dạy nhạc ở một trường cấp hai của tỉnh này. Anh ấy bị gọi lính năm 1943 và chết trận ở Luzon tháng Sáu năm 1945. Theo như tôi được nghe kể lại sau đó, thì anh ấy làm nhiệm vụ bảo vệ một kho đạn ở ngoại tỉnh Manila và chết khi kho đạn bị Mỹ pháo kích và nổ tung. Chúng tôi không có con.

- Nhân nói đến trẻ con, xin hỏi trong cuộc đi dã ngoại ấy, cô phụ trách bao nhiêu học sinh?

Tổng cộng mười sáu em, cả nam lẫn nữ. Trừ hai em nghỉ bệnh, đó là toàn bộ lớp. Tám trai, tám gái. Năm em sơ tán từ Tokyo đến.

Chúng tôi xuất phát từ trường lúc chín giờ sáng. Đó là một cuộc đi dã ngoại điển hình của trường, nên ai nấy đều mang theo cà-mèn và bữa ăn trưa. Lần ấy, chúng tôi không lên kế hoạch nghiên cứu gì đặc biệt, lên đồi hái nấm và lượm những thứ cây dại ăn được thôi. Vùng chúng tôi sống là đất canh tác, nên không đến nỗi thiếu lương thực – nói vậy không có nghĩa là chúng tôi dồi dào cái ăn. Với chế độ phân phối khẩu phần chặt chẽ khi đó, đa số chúng tôi lúc nào cũng đói.

Thành thử bọn trẻ được khuyến khích lùng thức ăn ở bất cứ nơi nào chúng có thể tìm được. Xét cho cùng, đất nước đang chiến tranh và lương thực được ưu tiên hơn học tập. Ai nấy đều thích kiểu dã ngoại ấy – chúng tôi gọi là học ngoại khóa. Xung quanh trường chúng tôi toàn là đồi và rừng nên có khối chỗ tốt cho chúng tôi đến thường xuyên. Tôi nghĩ chúng tôi được ân sủng theo nghĩa đó. Dân các thành phố đều đói. Các tuyến đường tiếp tế từ Đài Loan và lục địa hồi ấy bị cắt đứt và các vùng đô thị bị thiếu lương thực và chất đốt ghê gớm.

- Cô nói năm học sinh của cô được sơ tán từ Tokyo. Chúng có hòa hợp được với các học sinh địa phương không?

Có, ít nhất là trong lớp tôi. Môi trường lớn lên của hai nhóm tất nhiên là hoàn toàn khác nhau – một nhóm ở nông thôn, nhóm kia ở trung tâm Tokyo. Chúng nói năng khác nhau, ăn mặc cũng khác nhau. Phần lớn các học sinh địa phương đều là con cái các gia đình nông dân, trong khi đa số học sinh từ Tokyo đều có cha làm việc ở các công ty hoặc dịch vụ dân sự. Cho nên chúng tôi không thể nói là chúng thực sự hiểu nhau.

Đặc biệt, thời gian đầu, người ta có thể cảm thấy một chút căng thẳng nào đó giữa hai nhóm. Tôi không có ý nói rằng chúng bắt nạt nhau hoặc gây gổ đánh nhau, bởi vì không phải thế. Tôi chỉ muốn nói là dường như nhóm này không hiểu nhóm kia nghĩ gì. Thành thử chúng có khuynh hướng khép kín, học sinh địa phương chơi với học sinh địa phương, còn bọn trẻ Tokyo thì khoanh trong nhóm nhỏ của chúng tình hình đó chỉ kéo dài hai tháng đầu. Sau đó, chúng hòa hợp dần. Ông lạ gì: con nít khi đã bắt đầu chơi chung và mải miết vào trò chơi thì chúng bất cần đến những thứ khác nữa.

- Tôi muốn cô tả hết sức tỉ mỉ nơi cô đưa lớp cô đến hôm ấy.

Đó là một quả đồi mà chúng tôi hay đến trong những dịp đi dã ngoại. Một quả đồi tròn hình thù giống như cái bát úp. Chúng tôi quen gọi nó là “owan yama” [Chú thích: “đồi bát cơm”]. Nó ở cách trường một quãng đi bộ ngắn về phía Tây và không dốc mấy, ai cũng trèo được. Với nhịp bước của trẻ con thì mất khoảng hai tiếng là lên tới đỉnh. Dọc đường, chúng tạt vào rừng kiếm nấm, rồi cả lớp ăn bữa trưa đạm bạc. Cố nhiên, bọn trẻ khoái những buổi ngoại khóa ấy hơn nhiều so với học ở trong lớp.

Cái máy bay lấp lánh chúng tôi nhìn thấy trên trời nhắc chúng tôi nhớ đến chiến tranh trong chốc lát, nhưng chỉ một thoáng thôi, rồi tất cả lại vui vẻ. Trời không một vẩn mây, lặng gió và tất thẩy đều im ắng quanh chúng tôi - chỉ nghe thấy tiếng chim líu ríu trong rừng. Chiến tranh dường như một cái gì ở một nơi xa lắc chẳng có gì liên quan với chúng tôi. Chúng tôi ca hát trong khi leo lên đồi, thi thoảng lại bắt chước tiếng chim chúng tôi nghe thấy. Tạm quên đi chiến tranh đang tiếp diễn, thì đó là một buổi sáng hoàn hảo.

- Một lát sau, khi thấy cái vật giống như máy bay ấy là cô vào rừng ngay, đúng không?

Đúng vậy. Tôi có thể nói là không đầy năm phút sau, chúng tôi đi vào rừng. Chúng tôi bỏ con đường chính dẫn lên đỉnh đồi để đi theo một đường mòn ngược lên cánh rừng. Đoạn này khốc. Sau khi leo độ mươi phút, chúng tôi tới một chỗ phát quang, một khoảng rộng, bằng phẳng như mặt bàn. Khi chúng tôi bắt đầu vào rừng, không khí tĩnh lặng hoàn toàn và ớn lạnh vì ánh nắng không lọt vào được, nhưng khi tới chỗ phát quang thì như thể đang ở giữa một quảng trường thành phố thu nhỏ với bầu trời rực sáng trên đầu. Lớp chúng tôi thường dừng chân ở chỗ này mỗi khi leo lên Owan yama. Nơi này có một tác dụng an bình và cách nào đó khiến tất cả chúng tôi đều cảm thấy khoan khoái và ấm cúng.

Chúng tôi dừng lại nghỉ khi tới “quảng trường” này, đặt ba lô xuống rồi bọn trẻ chia ra thành từng tốp ba, bốn đứa một vào rừng tìm nấm. Tôi nhấn đi nhấn lại, dặn chúng không lúc nào được rời mắt khỏi nhau. Trước khi xuất phát, tôi tập hợp tất cả, kiểm tra cho chắc là chúng đã hiểu. Chúng tôi biết rành nơi này, nhưng dù sao đó cũng là một khu rừng, ngộ nhỡ có đứa nào tách ra và lạc lối, chúng tôi sẽ phải vất vả đi tìm. Hơn nữa, ông nên nhớ, chúng là những đứa trẻ nhỏ, một khi đã lao vào săn lùng nấm, chúng rất dễ quên cái lệ ấy. Cho nên bao giờ tôi cũng phải đảm bảo là, trong khi bản thân mình cũng tìm nấm thì vẫn phải để mắt đến chúng và thường xuyên đếm đủ số đầu.

Chính vào khoảng mươi phút sau khi bắt đầu săn tìm nấm, bọn trẻ bắt đầu theo nhau gục ngã.

Khi thoạt tiên phát hiện thấy một nhóm ba em gục xuống đất, tôi chắc là chúng đã ăn phải nấm độc. Quanh đây có nhiều loại nấm rất độc, thậm chí có thể chết người. Bọn trẻ ở địa phương biết loại nào không nên hái, nhưng có một số loại rất khó phân biệt. Vì thế tôi luôn cảnh báo các em đừng bao giờ bỏ cái gì vào miệng trước khi trở về trường để chuyên gia kiểm định. Nhưng không phải bao giờ ta cũng có thể trông chờ con nít nghe lời, phải không?

Tôi chạy bổ tới chỗ mấy em vừa gục ngã và vực chúng dậy. Người chúng mềm nhũn như cao su để ngoài nắng. Như những cái vỏ ốc rỗng – bao nhiêu sức lực đã bị hút kiệt. Nhưng chúng vẫn thở tốt. Mạch vẫn bình thường và không em nào có nhiệt độ cao. Coi bộ chúng bình thản, không có vẻ gì là đau đớn cả. Tôi loại trừ các giả thuyết như ong đốt hoặc rắn cắn. Đơn giản là chúng bất tỉnh, vậy thôi.

Điều kỳ lạ nhất là cặp mắt của chúng. Người chúng mềm nhũn như đang trong cơn hôn mê, thế nhưng mắt chúng vẫn mở trừng trừng như đang nhìn một cái gì vậy. Thậm chí, thỉnh thoảng mắt chúng còn chớp, tức là không giống chúng đang ngủ. Và mắt chúng lia qua lia lại như thể đang nhìn bao quát một chân trời xa. Ít nhất mắt chúng vẫn tỉnh. Tôi phẩy tay qua lại vài lần trước mặt chúng, nhưng không thấy phản ứng gì.

Tôi lần lượt nhấc ba em học sinh lên, từng đứa một, và tất cả đều y hệt như nhau. Tất cả đều bất tỉnh, mắt vẫn chầm chậm đưa qua đưa lại. Đó là điều lạ lùng nhất tôi từng thấy.

- Hãy mô tả những em gục xuống trước nhất.

Đó là một nhóm con gái. Ba bé gái chơi thân với nhau. Tôi gọi tên chúng và tát vào má chúng khá mạnh, tát thật sự, nhưng chẳng thấy phản ứng gì. Chúng không hề cảm thấy gì hết. Thật là một cảm giác kỳ lạ. Cứ như chạm vào một khoảng chân không vậy.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là cử ai đó về trường cầu cứu. Một mình tôi thì không cách nào mang được ba đứa bất tỉnh xuống đồi. Vậy nên tôi bắt đầu kiếm đứa nào chạy nhanh nhất, một học sinh nam. Nhưng khi tôi đứng lên nhìn quanh thì thấy tất cả các em đều đã quỵ xuống. Toàn bộ mười sáu em đã ngã xuống đất, bất tỉnh. Người duy nhất còn tỉnh và đứng được là tôi. Cứ như là một... bãi chiến trư̖

- Cô có nhận thấy cái gì bất bình thường tại hiện trường đó không? Một mùi hay một âm thanh khác thường – hay một luồng sáng?

[Nghĩ một lúc]. Không, như tôi đã nói, cảnh vật rất yên tĩnh và thanh bình. Không hề có âm thanh hoặc luồng sáng, hoặc mùi gì bất bình thường cả. Điều bất bình thường duy nhất là tất cả học sinh trong lớp tôi đều gục ngã và nằm đó bất tỉnh nhân sự. Tôi cảm thấy hết sức cô đơn, như thể mình là người cuối cùng còn sống trên Trái Đất. Tôi không thể mô tả cái cảm giác cô đơn tuyệt đối đó. Tôi chỉ muốn tan biết trong thinh không và thôi nghĩ về bất cứ cái gì nữa hết.

Cố nhiên tôi không thể làm thế được – tôi có bổn phận của một cô giáo. Tôi cố trấn tĩnh lại và lao xuống dốc chạy thật nhanh về trường với hết sức lực của đôi chân, để tìm sự trợ giúp.

Chương 3

Lúc tôi thức giấc, trời đã sắp rạng đông. Tôi kéo rèm cửa xe, nhìn ra ngoài. Hẳn là vừa mới tạnh mưa vì mọi cái vẫn còn ướt và nhỏ giọt. Những đám mây đằng Đông sắc cạnh in trên nền trời, mỗi đám đều đóng khung trong ánh sáng. Bầu trời phút trước nom u ám dữ tợn, phút sau đã sáng tươi mời mọc. Tất cả là tùy góc nhìn.

Chiếc xe buýt bon bon trên xa lộ với một tốc độ cố định, bánh lốp nghiến rào rạt, không lúc nào rộ to lên hay nhỏ bặt đi. Cả động cơ cũng vậy, tiếng ro ro đơn điệu của nó nghe như một cái cối đang nghiền nhuyễn thời gian cùng ý thức của những người trên xe. Các hành khách khác đều ngả người trên ghế, ngủ lịm, rèm cửa kéo kín. ỉ có người lái và tôi thức giấc. Chìm trong giấc ngủ, mọi người tin cẩn phó mặc cho chiếc xe chở mình tới đích.

Cảm thấy khát, tôi lấy một chai nước khoáng từ một túi ba lô ra và uống một chút nước âm ấm. Cũng từ túi ấy tôi lấy ra một hộp bánh xô-đa giòn, nhai mấy chiếc, nhấm nháp cái vị khô quen thuộc. Theo đồng hồ của tôi, lúc này là 4 giờ 33 phút. Tôi xem lại ngày tháng cho chắc ăn. Mười ba tiếng đồng hồ đã trôi qua từ lúc tôi rời khỏi nhà. Thời gian đã không nhảy vọt về phía trước nhanh quá mức, cũng chẳng bất ngờ quay ngược lại. Vẫn chưa qua sinh nhật của tôi, song đã là ngày mở đầu cuộc đời mới toanh của tôi. Tôi nhắm mắt, rồi lại mở ra, một lần nữa kiểm tra lại ngày tháng trên đồng hồ. Rồi bật đèn đọc[[3]](#filepos2617498) , lấy ra một cuốn sách bìa mềm và bắt đầu đọc.

Đúng năm giờ sáng, không báo trước, chiếc xe buýt rời khỏi xa lộ và dừng lại ở góc một bãi nghỉ ven đường. Cửa trước mở ra với một tiếng như xì hơi, đèn trong xe nhấp nháy bật lên và người lái thông báo ngắn gọn: "Xin chào tất cả. Hy vọng quý khách đã nghỉ ngơi tốt. Xe chúng ta chạy đúng thời gian quy định và khoảng một tiếng nữa sẽ tới bến cuối ở Takamatsu. Nhưng chúng ta dừng ở đây nghỉ hai mươi phút. Năm rưỡi lại đi tiếp, vậy xin quý khách đảm bảo trở về xe vào quãng ấy."

Lời thông báo đánh thức hầu hết các hành khách và họ lặng lẽ đứng lên một cách chật vật, vừa ngáp vừa loạng choạng ra khỏi xe. Đây là nơi người ta chỉnh trang lại cho đàng hoàng trước khi tới Takamatsu. Tôi cũng xuống xe, hít thở vài hơi thật sâu và làm mấy động tác vươn duỗi đơn giản trong không khí ban mai tươi mát. Tôi đi tới phòng vệ sinh nam, vã chút nước vào mặt. Tôi tự hỏi không biết mình đang ở chỗ quái nào. Tôi ra ngoài và nhìn quanh. Chẳng có gì đặc biệt, chỉ là cái quang cảnh ven đường tường thấy gần một xa lộ. Có thể chỉ do tôi tưởng tượng, nhưng hình thù những quả đồi và màu sắc cây cối dường như không giống ở Tokyo.

Tôi đang ngồi trong cafeteria[[4]](#filepos2618045) nhấm nháp trà nóng thì cô gái đó đến, ngồi phịch xuống chiếc ghế nhựa cạnh tôi. Tay phải cô cầm một cốc giấy đựng cà phê nóng bốc hơi vừa mua từ máy bán hàng tự động, tay trái cầm một cặp xăng-uých vẻ như cũng mua từ máy bán hàng tự động.

Trông cô ta ngồ ngộ thế nào ấy: diện mạo không cân đối - trán rộng, mũi tròn nhỏ xíu, má lấm tấm tàn hương, tai nhọn. Một kiểu mặt nặn thô vội vàng khiến người ta không thể không chú ý. Tuy nhiên, ấn tượng chung không đến nỗi tệ. Theo như tôi cảm nhận, cô ta không quá tự mãn về ngoại hình của mình, nhưng cô có vẻ tự nhiên thoải mái với chính mình và đó mới là điều quan trọng. Có một cái gì trẻ thơ nơi cô khiến người ta an tâm, chí ít cũng là đối với tôi. Cô không cao lắm, nhưng có cặp giò dễ coi và một bộ ngực đẹp đối với thân hình mảnh dẻ như vậy.

Đôi hoa tai mảnh bằng kim loại của cô lấp lánh như đuy-ra. Mái tóc nhuộm màu nâu sẫm, gần như đỏ, xõa xuống vai. Cô mặc sơ mi dài tay, cổ bó, kẻ sọc to. Một chiếc balô da nhỏ lủng lẳng một bên vai và một chiếc áo len mỏng buộc quanh cổ. Một cái váy mini màu kem trên đôi chân để trần hoàn tất y phục của cô. Hiển nhiên là cô vừa rửa mặt vì mấy mớ tóc như những rễ cây nhỏ còn dán trên vầng trán rộng. Kể cũng lạ, mấy mớ tóc buông lơi ấy lại hấp dẫn tôi.

"Cậu cũng đi cùng chuyến xe, phải không?" cô ta hỏi, giọng hơi khàn khàn.

"À, phải."

"Cô nhíu mày tợp một ngụm cà phê. "Cậu bao nhiêu tuổi?"

"Mười bảy."

"Vậy cậu đang học trung học."

Tôi gật đầu.

"Cậu đi đâu?"

"Takamatsu."

"Cũng như tôi," cô nói. "Cậu đi chơi hay về nhà?"

"Đi chơi," tôi đáp.

"Tôi cũng thế. Tôi có bạn ở đấy. Một đứa bạn gái. Còn cậu?"

"Thăm bà con."

Tôi hiểu, cái gật đầu của cô nói vậy. Cô không hỏi thêm gì nữa.

"Tôi có đứa em trai bằng tuổi cậu," cô đột ngột nói với tôi như sực nhớ ra. "Có những rắc rối trong gia đình nên đã lâu chị em tôi không gặp nhau... Cậu biết không, trông cậu rất giống cái tay ấy. Đã ai nói với cậu thế chưa?"

"Tay nào?"

"Cậu biết đấy, cái tay ca sĩ trong ban nhạc ấy! Vừa nhìn thấy cậu trên xe buýt, tôi liền nghĩ ngay là cậu giống anh ta, nhưng tôi không tài nào nhớ nổi tên anh ta. Cố moi óc mà không ra. Chuyện đó đôi khi vẫn xảy đến, đúng không? Nó ở trên đầu lưỡi rồi, ấy thế mà không sao bật ra được. Trước đây đã có ai bảo cậu... rằng cậu khiến họ nhớ đến một người nào đó không?"

Tôi lắc đầu. Chưa ai nói với tôi thế cả. Cô vẫn nhìn tôi, mắt nheo lại, chăm chú. "Ý ci đến loại người nào kia?" tôi hỏi.

"Một gã tivi."

"Một anh chàng trên tivi à?"

"Phải," cô nói, cầm miếng xăng-uých kẹp giăm bông lên, lơ đãng cắn một miếng và chiêu bằng một ngụm cà phê. "Một ca sĩ trong một ban nhạc nào đó. Khỉ thật, cả tên ban nhạc tôi cũng không nhớ nốt. Cái gã cao, nói giọng Kansai ấy. Cậu không nghĩ ra là ai à?"

"Rất tiếc, tôi không xem tivi."

Cô gái cau mày, riết róng nhìn tôi. "Cậu không xem tivi bao giờ?"

Tôi lặng lẽ ngúc ngắc đầu. Khoan đã... tôi nên gật hay lắc đây? Tôi gật đầu.

"Cậu không bẻm mép lắm, nhỉ? Vẻ như mỗi lần mở miệng chỉ buông một câu gọn lỏn. Xưa nay cậu vẫn lặng lẽ thế à?"

Tôi đỏ mặt. Đúng là tôi thuộc loại ít nói, nhưng một trong những lý do khiến tôi không muốn nói nhiều, là tại tôi chưa hoàn toàn vỡ tiếng. Đa phần thời gian thì giọng tôi phần nào đã trầm, nhưng thi thoảng nó lại bất chợt ré lên. Cho nên cô cố sao chỉ nói thật ngắn gọn.

"Dù sao đi nữa," cô nói tiếp, "tôi chỉ muốn nói là nom cậu rất giống cái tay ca sĩ nói giọng Kansai ấy. Không phải là cậu nói giọng Kansai hay gì gì đâu. Chỉ là... tôi không biết nói thế nào... ở cậu toát ra một cái gì đó rất giống anh ta và anh ta có vẻ là một chàng trai dễ thương, thế thôi."

Nụ cười của cô rút vào hậu trường một lát rồi xuất hiện trở lại, trong khi tôi đánh vật với cơn đỏ mặt của mình. "Nếu cậu đổi kiểu tóc đi thì còn giống anh ta hơn nữa," cô nói. "Hãy để dà tí nữa, bôi tí gôm cho nó vểnh lên một chút. Tôi rất muốn thử làm thế một cái. Chắc chắn nom cậu sẽ rất bảnh với kiểu tóc ấy. Thực tế, tôi là thợ hớt tóc mà."

Tôi gật đầu và nhấp trà. Tiệm cafeteria lặng như tờ. Không hề có tiếng nhạc nền thường thấy, không ai khác trò chuyện ngoài hai chúng tôi.

"Có lẽ cậu không thích trò chuyện?" cô vừa nói vừa nhìn tôi nghiêm trang, đầu tựa vào lòng bàn tay.

Tôi lắc đầu. "Không, đâu phải thế."

"Cậu nghĩ trò chuyện với người khác là chán ngấy?"

Một lần nữa, tôi lại lắc đầu.

Cô cầm miếng xăng-uých thứ hai lên, miếng này kẹp mứt dâu tây thay vì giăm bông. Cô cau mày như thể không tin vào mắt mình. "Cậu ăn hộ tôi miếng này được không? Tôi chúa ghét xăng-uých mứt dâu tây. Ngay từ thuở bé."

Tôi chấp thuận. Xăng-uých mứt dâu tây cũng không nằm trong danh sách những món ưa thích nhất của tôi, nhưng tôi không nói gì và bắt đầu ăn.

Từ bên kia bàn, cô nhìn tôi ăn đến hết mẩu cuối cùng.

"Cậu có thể làm ơn giúp tôi một việc được không?" cô nói.

"Làm ơn?"

"Tôi có thể ngồi cạnh cậu cho đến khi xe tới Takamatsu được không? Tôi ngồi một mình cứ ngay ngáy, lúc nào cũng có cảm giác như có một kẻ quái nhân sắp xịch đến ngồi xuống bên tôi vậy và thế là tôi không sao ngủ được. Khi tôi mua vé, người ta bảo tất cả là ghế một, nhưng khi lên xe tôi thấy toàn ghế đôi. Tôi muốn chợp mắtchút trước khi tới nơi, và tôi thấy cậu là người tốt. Cậu có thấy phiền không?"

"Không sao cả."

"Cảm ơn," cô nói. "Đi xa cần có bạn đường, tục ngữ nói thế mà."

Tôi gật đầu. Gật đầu, gật đầu, gật đầu - dường như tôi chỉ có độc trọi một khả năng đó. Nhưng tôi biết nói gì đây?

"Tiếp sau là gì nhỉ?"

"Tiếp sau cái gì?"

"Sau bạn đường là gì nữa? Tôi không nhớ nổi. Tôi không bao giờ khá về môn Nhật văn cả."

"Trong đời cần biết cảm thương nhau cùng," tôi nói.

"Đi xa cần có bạn đường/ Trong đời cần biết cảm thương nhau cùng," cô nhắc lại để nhớ cho chắc. Nếu có sẵn bút giấy, ắt cô đã ghi lại và tôi cũng sẽ chẳng lấy làm lạ. "Vậy thực chất, nói nôm na, cái đó nghĩa là gì?"

Tôi ngẫm ngợi. Phải mất một lúc tôi mới luận ra, nhưng cô vẫn kiên nhẫn chờ.

"Tôi nghĩ," tôi nói, "nó có nghĩa là: những cuộc gặp gỡ tình cờ nâng bước ta trên đường đời. Nói nôm na là thế."

Cô suy nghĩ một lát, rồi chậm rãi chắp hai tay đặt lên mặt bàn. "Tôi nghĩ cậu nói đúng: những cuộc gặp gỡ tình cờ nâng bước ta trên đường đời."

Tôi liếc nhìn đồng hồ. Đã năm giờ ba mươi. "Có lẽ chúng ta nên trở về xe thì vừa."

"Ờ, tôi đồ là thế. Ta đi thôi," nói vậy nhưng cô không hề nhúc nhích để đứng lên.

"Tiện thể xin hỏi ta đang ở đâu?"

"Tôi cũng chẳng biết nữa," cô nói. Cô vươn cổ, lia mắt nhìn khắp xung quanh. Đôi hoa tai đu đưa như hai trái chín nẫu sắp rụng. "Căn cứ vào thời gian xe chạy, tôi đoán chúng ta đang ở gần Kurashiki. Nhưng cái dó quan trọng gì. Một bãi cho xe nghỉ trên xa lộ chỉ là điểm quá vãng. Để đi từ nơi này sang nơi khác." Cô giơ ngón trỏ tay phải và ngón trỏ tay trái lên, cách nhau khoảng ba mươi phân.

"Quan trọng gì cái tên, phải không nào?" cô nói tiếp. "Ở đây có toa lét, có đồ ăn. Có đèn nê-ông, có ghế nhựa. Có cà phê rồi. Có xăng-uých mứt dâu tây. Tất cả những cái đó chả có nghĩa gì - ấy là ví như cậu muốn tìm ở nó một ý nghĩa nào đó. Chúng ta từ một nơi nào đó đi đến một nơi nào khác. Đó là tất cả những gì ta cần biết, phải không nào?"

Tôi gật đầu. Và gật đầu. Và gật đầu.

Khi chúng tôi trở lại xe, những hành khách khác đã yên vị, chỉ còn chờ chúng tôi. Người lái, một chàng trai với ánh mắt đăm đăm và nghiêm nghị của một người gác đèn biển, ném một cái nhìn đầy vẻ trách móc về phía hai chúng tôi, nhưng không nói gì, và cô gái đáp lại bằng một nụ cười ngây thơ xin-lỗi-chúng-tôi-về-trễ. Anh ta vươn tay ra đẩy một cái cần và cửa đóng lại với một tiếng xì. Cô gái kéo chiếc va li nhỏ đến ngồi cạnh tôi - một chiếc va li loại tầm tầm chắc là mua ở một quầy bán "xôn" nào đó - và tôi nhấc nó lên cất vào ngăn để hành lý trên đầu hộ cô. Nó nhỏ mà khá nặng. Cô cảm ơn tôi, rồi ngả người trên ghế, nhắm mắt ngủ liền. Như chỉ đợi có thế, chiếc xe bắt đầu lăn bánh ngay khi chúng tôi yên vị. Tôi lấy cốn sách bìa mềm ra đọc tiếp.

Cô gái mau chóng ngủ say lịm và mỗi khi chiếc xe lượn vòng cua, đầu cô lại ngả vào vai tôi, cuối cùng dựa hẳn lên đó. Cô ngậm miệng, thở đằng mũi nhẹ nhàng, hơi thở chà qua vai tôi theo một nhịp đều đặn. Tôi ngó xuống và, qua khoang cổ bó của chiếc áo sơ mi, thoáng thấy dây xu-chiêng, một sợi dây mảnh màu kem. Tôi mường tượng lớp vải mịn ở đầu dây đó. Hai bầu vú mềm bên dưới. Hai núm vú hồng hồng căng dần dưới đầu ngón tay tôi. Không phải tôi cố tình tưởng tượng ra thế, song tôi không đừng được. Và - chả có gì là lạ - tôi dựng cột buồm cứng ngắc. Cứng đến nỗi tôi tự hỏi có bộ phận nào khác trong cơ thể có thể cương lên đến độ rắn như đá ấy không.

Thế rồi, đúng lúc ấy, một ý nghĩ chợt đến trong đầu tôi: ngộ nhỡ đây là chị gái mình? Cô ta cũng trạc tuổi ấy. Diện mạo khác thường của cô chẳng mấy giống chị tôi trong tấm ảnh, nhưng không thể căn cứ vào đó. Tùy theo cách chụp, đôi khi, ảnh có thể hoàn toàn khác với người thật. Cô nói cô có một đứa em trai trạc tuổi tôi mà hàng bao năm nay cô không gặp. Liệu đứa em đó có thể là tôi - ít nhất là trên lý thuyết?

Tôi chằm chằm nhìn vào ngực cô. Theo nhịp thở của cô, hai trái đào tròn trĩnh nhô lên hạ xuống như sóng cồn. Cách nào đó, điều đó khiến tôi nghĩ đến cảnh mưa rơi nhè nhẹ trên biển rộng. Tôi là du khách cô đơn đứng trên boong tàu, còn cô là biển. Bầu trời là một tấm màu xám quyện lẫn với biển xám ở phía chân trời. Thật khó mà phân biệt nổi biển với trời. Cũng như khó mà phân biệt được du khách với biển. Và thực tế với những hoang tưởng của trái tim.

Cô gái đeo hai chiếc nhẫn ở ngón tay, mà không chiếc nào là nhẫn cưới hoặc nhẫn hứa hôn cả; đó chỉ là những đồ rẻ tiền thường thấy ở những cửa hàng nhỏ dành cho thiếu nữ. Ngón tay cô dài, mảnh nhưng nom chắc khỏe, móng cắt ngắn và tỉa đẹp, nhuộm một lớp thuốc phơớt hồng. Tay cô dựa nhẹ lên đầu gối thò ra khỏi chiếc váy mini. Tôi rất muốn sờ vào đôi bàn tay ấy, nhưng cố nhiên, tôi không làm thế. Khi ngủ, nom cô như một đứa trẻ. Một cái tai nhọn thòi ra khỏi mái tóc như một chiếc nấm, nom mỏnh mảnh lạ lùng.

Tôi gấp sách lại, nhìn ra cảnh vật vèo qua ngoài cửa kính một lúc. Rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Chương 4

BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)

Ngày: 12 tháng Năm năm 1946

Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm, 1944

Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42216-WWN

Dưới đây là một cuộc thẩm vấn ghi âm với bác sĩ Juichi Nakazawa (53 tuổi), giám đốc một bệnh viện nội khoa ở thành phố [tên bị xóa] vào thời điểm xảy ra sự kiện này. Các tư liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn có thể truy cập theo số PTYX-722-SQ-162 đến 183.

Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O’Connor: Bác sĩ Nakazawa người to xương, đen đúa, nom giống một lực điền hơn một ông thầy thuốc. Phong thái bình tĩnh, nhưng hoạt bát và rành rẽ, nói đúng những gì mình nghĩ trong đầu. Đằng sau cặp kính là đôi mắt có cái nhìn rất sắc và linh hoạt. Trí nhớ của ông có thể tin cậy được.

Đúng vậy – hồi mười một giờ sáng ngày 7 tháng Mười một năm 1944, tôi nhận được một cú điện thoại của ông hiệu phó trường địa phương. Tôi gần như là bác sĩ của trường, vì thế nên có chuyện gì là họ gọi tôi trước tiên.

Ông hiệu phó rất hoảng hốt. Ông nói với tôi rằng cả một lớp học đã bị ngất xỉu trong khi đi dã ngoại hái nấm trên đồi. Theo ông, tất cả đã hoàn toàn bất tỉnh. Chỉ có cô giáo phụ trách là còn tình, và cô chạy ngay về trường cầu cứu. Cô cuống cuồng đến nỗi tôi không thể nắm được toàn bộ tình huống, tuy nhiên vẫn rõ ra một điều xác thực: mười sáu em học sinh đã gục ngã trong rừng.

Vì bọn trẻ đi hái nấm, cho nên ý nghĩ đầu tiên của tôi là chúng đã ăn phải nấm độc và bị liệt. Nếu đúng là như vậy thì rất khó chữa trị. Các loại nấm khác nhau có độ độc khác nhau và cách điều trị phải theo đó mà thay đổi. Điều tối đa chúng tôi có thể làm là bơm hết các thứ trong dạ dày ra. Tuy nhiên trong trường hợp ăn phải loại có nồng độ độc cao, chất độc có thể nhanh chóng ngấm vào máu và việc cứu chữa có thể là quá muộn. Ở vùng này, hàng năm vẫn có nhiều người chết vì nấm độc.

Tôi nhét mấy loại thuốc cấp cứu vào túi thuốc và đạp xe thật nhanh đến trường. Hai cảnh sát được báo tin đã tới đó rồi. Chúng tôi biết là phải đưa bọn trẻ bất tỉnh về thành phố, nên cần tất cả những sự hỗ trợ có thể huy động được. Tuy nhiên, phần lớn thanh niên đã ra mặt trận, thành thử chúng tôi đành bằng lòng với lực lượng có trong tay – bản thân tôi, hai viên cảnh sát, một thầy giáo lớn tuổi, ông hiệu trưởng và ông hiệu phó, người gác trường. Và tất nhiên cả cô giáo phụ trách lớp đi cùng với bọn trẻ nữa. Chúng tôi huy động tất cả những xe đạp có thể kiếm được nhưng vẫn không đủ, thành thử có xe phải đèo hai người.

- Khoảng mấy giờ các ông tới hiện trường?

11 giờ 55. Tôi nhớ rõ vì tôi có nhìn đồng hồ khi tới đó. Chúng tôi đạp xe đến chân đồi, tới điểm xa nhất có thể, rồi leo bộ nốt đoạn còn lại.

Vào lúc tôi đến, có mấy em đã hồi tỉnh phần nào. Theo tôi nhớ thì độ ba, bốn em. Nhưng chúng không tỉnh hoàn toàn – kiểu như loạng choạng bò bốn chân. Số còn lại vẫn phủ phục. Sau một hồi, một số khác bắt đầu hồi tỉnh, thân thể oằn oại như những con sâu khổng lồ. Thật là một cảnh tượng rất kỳ lạ. Bọn trẻ đã gục xuống ở một khoảng đất bằng, trống giữa rừng, nom khác thường tựa như toàn bộ cây cối đã bị bốc gọn đi cho nắng thu rọi chiếu vào. Và tại đây, mười sáu học sinh tiểu học nằm phủ phục la liệt trên mặt đất, một số bắt đầu cựa quậy, một số vẫn hoàn toàn bất động. Tưởng đâu như một vở kịch tiền phong chủ nghĩa.

Trong một lúc, tôi quên bẵng nhiệm vụ của mình là chữa trị cho bọn trẻ và chỉ đứng ngây ra nhìn cảnh tượng đó. Mà không phải chỉ riêng tôi – tất cả mọi người trong nhóm cứu trợ đều phản ứng như vậy, tạm thời bị tê liệt bởi những gì họ nhìn thấy. Nói thế này nghe cũng kỳ, nhưng tôi có cảm giác như vì tình cờ chúng tôi được chứng kiến một cảnh tượng mà đáng ra người bình thường không được phép thấy. Đây là thời chiến, và với tư cách là thầy thuốc, tôi luôn chuẩn bị để đối phó với bất kỳ tình huống nào, mặc dầu ít có khả năng xảy ra điều gì ghê gớm ở nơi hẻo lánh này. Là công dân Nhật Bản, tôi phải sẵn sàng làm bổn phận của mình một cách bình tĩnh. Nhưng khi trông thấy cảnh này, người tôi thực sự đông cứng lại.

Tôi mau chóng vùng ra khỏi trạng thái này và bế một đứa trong đám trẻ lên, một bé gái. Người nó chẳng còn chút lực nào và mềm oặt như cái tã. Nó thở đều đặn nhưng vẫn bất tỉnh. Tuy nhiên mắt nó vẫn mở, đưa qua đưa lại như dõi tìm một cái gì. Tôi rút một chiếc đèn pin từ trong túi đồ ra, soi vào đồng tử của nó. Hoàn toàn không phản ứng gì. Đôi mắt vẫn hoạt động ngó nhìn một cái gì đó, nhưng không biểu lộ một phản ứng nào với ánh sáng. Tôi bế mấy đứa khác lên, xem xét – tất cả đều y hệt như thế, không chút phản ứng. Tôi thấy quả là rất kỳ quái.

Tiếp đó, tôi xem mạch và nhiệt độ chúng. Mạch từ 50 đến 55, còn nhiệt độ thì tất cả đều dưới 36°C. Khoảng chừng 35,5° gì đó, theo trí nhớ của tôi. Đúng – đối với trẻ con ở tuổi này, nhịp mạch này là dưới bình thường, thân nhiệt thấp hơn trung bình đến hơn một độ. Tôi ngửi hơi của chúng, không thấy gì bất bình thường. Họng và lưỡi cũng vậy.

Ngay lập tức, tôi xác định rằng đây không phải những triệu chứng của ngộ độc thức ăn. Không đứa nào nôn mửa hoặc đi ỉa chảy, hoặc tỏ ra đau đớn gì cả. Nếu chúng ăn phải cái gì độc hại thì sau chừng nấy thời gian, ít nhất một trong những triệu chứng đó cũng phải phát lộ. Tôi trút một tiếng thở phào nhẹ nhõm vì biết chắc đây không phải là ngộ độc thức ăn. Nhưng tôi vẫn không dò ra do đâu chúng bị như thế.

Các triệu chứng giống như say nắng. Trẻ con thường gục ngã vì say nắng vào mùa hè. Hiện tượng này tựa như lây nhiễm – hễ một đứa lăn đùng ra, tất cả lũ bạn nó cũng lần lượt gục theo. Nhưng đây là tháng Mười một trong một cánh rừng mát mẻ cơ mà. Nếu một, hai đứa bị say nắng thì còn khả dĩ, nhưng cả mười sáu đứa đồng loạt đổ kềnh thì thật phi lý.

Ý nghĩ tiếp theo của tôi là về khí – một loại khí độc làm tê liệt thần kinh, tự nhiên phát sinh hay nhân tạo. Nhưng có trời biết làm sao khí độc lại có thể xuất hiện giữa một cánh rừng ở cái nơi khỉ ho cò gáy này? Tôi không lý giải nổi. Tuy nhiên, giả thuyết về khí độc khả dĩ còn giải thích được một cách lô gích những gì tôi nhìn thấy hôm đó. Tất cả đã hít phải nó, rồi ất xỉu và đổ gục tại chỗ. Cô giáo phụ trách không gục vì nồng độ khí không đủ mạnh để quật ngã một người lớn.

Nhưng đến đoạn chữa trị cho bọn trẻ như thế nào thì tôi hoàn toàn hoang mang. Tôi chỉ là một bác sĩ nông thôn, không có kiến thức chuyên môn về khí độc. Chúng tôi ở một tỉnh xa xôi hẻo lánh, không thể gọi một chuyên gia đến được. Thực tế, một số đã khá lên một cách rất từ từ và tôi hy vọng rằng với thời gian, tất cả sẽ hồi tỉnh. Tôi biết đó là một cách nhìn quá lạc quan, nhưng lúc đó, tôi không thể nghĩ ra điều gì khác. Cho nên, tôi đề nghị cứ để chúng nằm yên đó một lúc, chờ xem diễn biến ra sao.

- Có cái gì khác thường trong không khí không?

Chính tôi cũng bận tâm về điểm này, thế nên tôi đã hít mấy hơi thật sâu để xem có phát hiện ra mùi gì bất thường không. Nhưng đó chỉ là cái mùi bình thường của một rừng cây trên đồi – một mùi sảng khoái thơm hương cây. Hoa lá cây cỏ quanh đây cũng chẳng có gì khác thường. Không có gì thay đổi hình dạng hay sắc màu.

Tôi lần lượt xem xét từng chiếc nấm bọn trẻ đã hái. Chẳng nhiều nhặn gì, nên tôi kết luận rằng chúng đã gục ngã không lâu sau khi bắt đầu hái. Tất cả đều là nấm ăn được rất phổ biến. Tôi làm bác sĩ ở đây đã khá lâu nên biết rõ các loại nấm khác nhau trong vùng. Dĩ nhiên, để cho chắc, tôi gom tất cả lại, mang về nhờ một chuyên gia xem xét giám định. Nhưng tôi có thể nói tất cả đều là nấm thông thường ăn được.

- Ông nói mắt bọn trẻ bất tỉnh vẫn đưa qua đưa lại, nhưng ông có nhận thấy triệu chứng hoặc phản ứng bất bình thường nào khác không? Chẳng hạn kính cỡ của1;ng tử, màu của lòng trắng con ngươi, tần số chớp mắt?

Không. Ngoài việc mắt chúng lia qua lia lại như cái đèn quét, không có gì lạ thường. Tất cả các chức năng khác đều hoàn toàn bình thường. Bọn trẻ nhìn vào cái gì đó. Nói cụ thể hơn, chúng không nhìn vào những gì chúng ta có thể thấy, mà vào một cái gì đó chúng ta không thể thấy. Đúng hơn, tựa như chúng đang quan sát một cái gì chứ không chỉ nhìn. Mặt chúng chủ yếu là không biểu cảm, nhưng nhìn chung, chúng có vẻ bình thản, không sợ hãi hay đau đớn gì. Đó là một trong những lý do khiến tôi quyết định cứ để chúng nằm đó, chờ xem diễn biến ra sao. Tôi quyết định là nếu chúng không đau đớn gì thì cứ để chúng thế một lúc xem sao.

- Ông có nói với ai về giả thuyết là bọn trẻ bị nhiễm hơi độc không?

Có, nhưng không ai tin. Người ta chưa từng nghe nói có ai vào rừng chơi mà bị nhiễm hơi độc. Thế rồi một trong những người có mặt tại đó – hình như là ông hiệu phó – nói rằng có thể đó là hơi độc do máy bay Mỹ thả xuống. Hẳn chúng đã ném xuống một trái bom hơi độc, ông nói. Cô giáo phụ trách liền nhớ ra là đã thấy một cái gì giống như một chiếc B-29 bay rất cao trên bầu trời ngay trước lúc họ bắt đầu lên đồi. Mọi người ồ lên: Chắc là thế! Một loại bơm hơi độc mới sáng chế của Mỹ. Tin đồn về việc Mỹ mới sáng chế một loại bom mới đã lan tới tận miền rừng núi chúng tôi. Nhưng tại sao người Mỹ lại ném thứ vũ khí mới nhất của họ xuống một nơi khỉ ho cò gáy như thế này, điều đó không ai giải thích nổi. Nhưng trong đời sống thường vẫn có những sai trật và không phải cái gì chúng ta cũng hiểu được.

- Vậy sau đọn trẻ dần dần tự hồi phục?

Chính thế. Tôi không thể tả với ông là tôi nhẹ người đi biết nhường nào. Thoạt đầu, chúng bắt đầu ngọ nguậy, rồi chúng lảo đảo ngồi dậy, dần dần tỉnh lại. Trong quá trình đó, không đứa nào kêu đau gì cả. Tất cả diễn ra rất bình lặng như thể chúng thức dậy từ một giấc ngủ sâu vậy. Và với việc hồi tỉnh, sự chuyển động của con mắt chúng trở lại bình thường. Chúng phản ứng bình thường với ánh sáng khi tôi rọi đèn pin vào mắt chúng. Tuy nhiên, phải mất một lúc chúng mới nói trở lại – y như ta vừa thức giấc vậy.

Chúng tôi hỏi từng đứa là điều gì đã xảy đến với chúng, thì tất cả đều ngớ ra như thể bị chất vấn về một chuyện chẳng liên quan gì đến mình. Lên đồi, bắt đầu hái nấm – chừng nấy thì chúng nhớ. Mọi điều sau đó là một khoảng trống hoác. Chúng hoàn toàn không ý thức gì về quãng thời gian ở giữa. Chúng bắt đầu hái nấm, rồi màn tối chụp xuống và giờ thì thấy mình nằm dưới đất, xung quanh toàn người lớn. Bọn trẻ không thể nào hình dung tại sao tất cả chúng tôi đều nháo nhác, trân trân nhìn chúng với vẻ lo lắng đến thế trên nét mặt. Chúng có vẻ sợ chính chúng tôi hơn bất cứ cái gì khác.

Buồn thay, một em không tỉnh lại được. Một bé trai sơ tán từ Tokyo, tên là Satoru Nakata, nếu tôi nhớ không nhầm. Một bé trai xanh xao, nhỏ quắt. Đó là đứa duy nhất vẫn bất tỉnh, nằm sóng soài trên mặt đất, mắt lơ láo, đưa qua đưa lại. Chúng tôi phải cõng nó xuống đồi. Những đứa khác tự đi xuống như không có chuyện gì xảy ra.

- Ngoài thằng bé Nakata, không có đứa nào sau đó biểu hiện triệu chứng gì chứ

Không, ít nhất là về những dấu hiệu bên ngoài, chúng không biểu hiện triệu chứng gì bất thường cả. Không đứa nào kêu đau hoặc khó chịu. Ngay sau khi trở về trường, tôi lập tức đưa từng đứa một vào phòng y tế để xem xét cho kỹ - lấy nhiệt độ, nghe nhịp tim bằng ống nghe, kiểm tra thị lực. Tôi đã làm mọi việc có thể làm vào thời điểm đó. Tôi bắt chúng làm một vài bài toán số học đơn giản, nhắm mắt đứng lò cò một chân, những thứ đại loại như vậy. Vì mặt thể chất, chúng đều ổn. Chúng không có vẻ mệt và thấy thèm ăn. Vì chưa ăn trưa, tất cả đều kêu đói. Đưa cơm nắm cho chúng, chúng ăn ngấu nghiến.

Mấy hôm sau, tôi ghé qua trường xem tình trạng chúng ra sao. Tôi gọi mấy đứa trẻ vào phòng y tế, đặt câu hỏi kiểm tra. Một lần nữa, mọi sự xem ra đều ổn. Từ cái trải nghiệm kỳ dị ấy, không còn lại dấu vết gì, về thể chất cũng như cảm xúc. Thậm chí chúng không nhớ được chuyện gì đã xảy ra nữa. Chúng dự lớp như mọi khi, ca hát, chơi nhổng trong giờ ra chơi, làm mọi thứ những đứa trẻ bình thường vẫn làm. Tuy nhiên, cô giáo chủ nhiệm của chúng thì khác, có vẻ như cô ta vẫn bị sốc.

Nhưng cậu bé duy nhất bị nhiễm, Nakata, vẫn không hồi tỉnh nên hôm sau chúng tôi đưa nó vào bệnh viện trường đại học ở Kofu. Sau đó, nó được chuyển sang một bệnh viện quân đội và không bao giờ trở lại tỉnh chúng tôi nữa. Tôi không có tin tức gì của nó nữa.

Sự kiện này không hề được đưa lên báo. Tôi đoán là nhà chức trách quyết định rằng nó sẽ chỉ gây hoang mang nên đã cấm không được nhắc tới. Nên nhớ rằng trong thời chiến, quân đội cố gắng dập tắt tất cả những gì họ cho là tin đồn vô căn cứ. Cuộc chiến tiến triển không thuận lợi, quân đội đang rút lui trên mặt trận phía Nam, các cuộc đột kích tự sát nối tiếp nhau, những cuộc không kích của Mỹ ngày càng dữ dội. Quân đội sợ nhất là những tình cảm chiến tranh hoặc hòa bình chủ nghĩa nổi lên trong dân chúng. Mấy ngày sau sự kiện này, cảnh sát được phái đến, họ cảnh báo chúng tôi rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được kể những gì chúng tôi đã thấy.

Toàn bộ vụ việc này thật là kỳ quái và khó chịu. Đến tận hôm nay, nó vẫn như một quả tạ đè lên ngực tôi.

Chương 5

Khi xe buýt qua chiếc cầu mới khổng lồ bắc qua Biển Nội Địa, tôi vẫn đang ngủ. Tôi mới chỉ thấy cây cầu trên bản đồ và vẫn chờ đợi được nhìn thấy nó trong thực tế. Ai đó vỗ nhẹ vào vai tôi, làm tôi thức giấc.

"Này, đến rồi đấy," cô gái nói.

Tôi vươn vai, dụi mắt và nhìn ra ngoài cửa sổ. Quả thật, xe vừa rẽ vào một khoảng rộng tựa như một sân ga. Nắng sớm mai làm bừng sáng cảnh vật. Gần như chói lòa, nhưng cách nào đó, vẫn dìu dịu, ánh sáng này khác hẳn thứ ánh sáng quen thuộc với tôi ở Tokyo.

"Chao, chuyến đi dài ghê," cô uể oải nói. "Lưng dưới tôi như muốn gãy còn gáy thì đau nhừ. Tôi cạch đến già, chẳng bao giờ đáp một chuyến xe buýt chạy thông đêm nữa. Từ nay, tôi sẽ đi máy bay, cho dù có đắt mấy đi nữa. Nhộn nhạo, không tặc, tôi cũng bất cần."

Tôi hạ chiếc vali của cô và balô của tôi từ trên giá hành lý xuống. "Tên chị là gì?"

"Tên tôi ư?"

"Phải."

"Saku" cô nói. "Còn cậu?"

"Kafka Tamura." tôi đáp.

"Kafka Tamura," cô nhắc lại. "Tên kỳ nhỉ. Nhưng mà dễ nhớ."

Tôi gật đầu. Trở thành một con người khác có thể là khó, nhưng lấy một cái tên khác thì dễ ợt.

Cô xuống xe, đặt va li xuống đất và ngồi luôn lên đó, rồi rút từ chiếc ba lô nhỏ ra một cuốn sổ tay, ghi mấy chữ, xé trang đó đưa cho tôi. Có vẻ như là một số điện thoại.

"Số điện thoại di động của tôi," cô nhăn nhó nói. "Tôi sẽ ở nhà bạn tôi một thời gian, nhưng nếu cậu cảm thấy muốn gặp một ai thì cứ gọi tôi. Chúng ta có thể đi ăn với nhau hay làm gì đó. Đừng có khách sáo nhé. 'Cả những cuộc gặp gỡ tình cờ...’ gì nữa nhỉ?"

"... cũng là duyên kiếp."

"Đúng, đúng," cô nói. "Nhưng thế nghĩa là gì nhỉ?"

"Là mọi sự trên đời đều do kiếp trước của ta định sẵn. Là ngay cả trong những sự kiện nhỏ nhất, cũng không có cái gì là ngẫu nhiên."

Cô ngồi đó, trên chiếc va li màu vàng, sổ ghi cầm trên tay, ngẫm ngợi một lúc." Hừm... đó là một thứ triết học, phải không? Tư duy về cuộc đời theo cách ấy cũng không phải là tồi. Kiểu như một sự đầu thai mới, xu hướng New Age[[5]](#filepos2618390) chứ gì. Nhưng Kafka, hãy nhớ điều này nhé, được không? Không phải bất cứ ai tôi cũng cho số điện thoại di động đâu. Cậu hiểu tôi muốn nói gì chứ?"ôi cảm ơn cô về điều đó, gấp mẩu giấy và nhét vào túi áo gió. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi bỏ nó vào trong ví, chắc ăn hơn.

"Vậy cậu sẽ ở lại Takamatsu bao lâu?" Sakura hỏi.

"Tôi cũng chưa biết," tôi đáp. "Còn tùy tình hình."

Cô nhìn tôi đăm đăm, đầu hơi nghiêng về một bên. Ô-kê, dù sao mặc lòng, hình như cô đang nghĩ vậy. Cô lên một chiếc taxi, khẽ vẫy chào và đi khỏi.

Một lần nữa, tôi lại trơ trọi một mình. Sakura, tôi nghĩ - không phải tên chị tôi. Nhưng người ta có thể thay tên đổi họ khá dễ dàng. Nhất là khi người ta đang cố tìm cách trốn tránh.

Tôi đã đặt phòng tại một khách sạn doanh thương ở Takamatsu. Hội Thanh Niên Thiên Chúa Giáo ở Tokyo đã giới thiệu khách sạn này với tôi và qua đó tôi được giảm giá phòng. Nhưng chỉ trong ba ngày đầu thôi, sau đó lại trở về nguyên giá.

Nếu thực sự muốn tiết kiệm, tôi có thể ngủ luôn trên một cái ghế băng trước bến xe, hoặc chui vào túi ngủ nằm vạ vật đâu đó trong một công viên vì ngoài trời hãy còn ấm. Nhưng như vậy cảnh sát sẽ đến và xét giấy tôi - điều duy nhất tôi cần tránh bằng mọi giá. Vì thế tôi quyết định đặt phòng khách sạn, ít nhất là ba hôm. Rồi sau sẽ liệu.

Tại bến xe, tôi tạt vào quán ăn đầu tiên tôi nhìn thấy và đánh chén món udon đến căng bụng. Sinh trưởng ở Tokyo, tôi rất ít có dịp được ăn udon chính hiệu, thứ đặ sản của dảo Shikoku, và giờ đây tôi đang đả một món mì trước nay chưa từng thấy. Nó tươi, nạc và nước dùng mới thơm làm sao! Và giá rẻ bất ngờ! Khoái khẩu đến nỗi tôi còn gọi luôn bát thứ hai, và lần đầu tiên sau không biết bao lâu, tôi nhồi nhét đẫy t một cách sung sướng. Sau đó tôi gieo mình xuống một chiếc ghế băng trong quảng trường cạnh bến xe và ngước mắt nhìn lên bầu trời đầy nắng. Ta đã tự do, tôi tự nhắc mình. Hoàn toàn tự do và một mình, như đám mây bay ngang trời.

Tôi quyết định giết thời gian cho đến tối trong một thư viện. Từ nhỏ, tôi đã thích tiêu thì giờ trong phòng đọc của các thư viện, cho nên trước khi đến Takamatsu, tôi đã tự trang bị thông tin về tất cả các thư viện trong trung tâm và ngoại vi thành phố này. Thử nghĩ mà xem - một thằng nhóc không muốn về nhà thì chẳng có mấy chỗ mà đi. Tiệm cà phê và rạp chiếu bóng là ngoài tầm. Chỉ còn có thư viện là hoàn hảo - không mất tiền vào cửa, không ai thắc mắc và khó chịu khi thấy một thằng nhóc vào thư viện một mình. Chỉ việc ngồi xuống và đọc bất kỳ cái gì mình muốn. Sau giờ tan trường, tôi thường đạp xe đến thư viện công cộng của quận. Cả những ngày nghỉ cũng có thể tìm tôi ở đấy. Tôi đọc ngấu nghiến đủ mọi thứ - tiểu thuyết, tiểu sử danh nhân, sách lịch sử, bất cứ cái gì trong tầm tay. Khi đã ngốn hết sách trẻ con, tôi chuyển sang ngăn sách cho người lớn. Có thể tôi không hiểu gì mấy, nhưng tôi vẫn cặm cụi đọc đến trang cuối cùng. Khi nào mệt, tôi vào một cabin, đeo tai nghe, thưởng thức một chút âm nhạc. Tôi không sành nhạc, nên cứ nghe lần lượt cả dãy CD họ xếp ở đó. Chính vì vậy mà tôi biết đến Duke Ellington, nhóm The Beatles và Led Zeppelin.

Thư viện giống như ngôi nhà thứ hai của tôi. Hay có thể nói, đó là nơi chốn thật sự của tôi, thân thiết hơn chính ngôi nhà tôi ở. Do đến đó hằng ngày, tôi quen tất cả các cô thủ thư. Họ biết tên tôi và bao giờ cũng đon đả chào hỏi. Tuy nhiên, hồi đó tôi nhút nhát dễ sợ và chỉ đáp lại lí nhí trong miệng.

Trước khi đến Takamatsu, tôi đã được biết có một phú hộ thuộc một dòng họ lâu đời ở ngoại ô thành phố này đã biến kho sách riêng của mình thành một thư viện tư nhân mở cửa phụcụ công chúng. Ở đây có nhiều sách hiếm và tôi nghe nói bản thân ngôi nhà và khu vườn bao quanh cũng đáng tham quan. Tôi có lần thấy họa báo Taryo đăng ảnh chụp nơi này. Đó là một tòa nhà lớn theo phong cách Nhật Bản với cái phòng đọc thực sự sang trọng giống như một phòng khách, trong đó người đọc ngồi trên những chiếc ghế bành nom thật thoải mái. Vì một lý do nào đó, tấm ảnh đó thực sự lưu lại trong trí tôi và tôi rất muốn một ngày nào đó, khi có dịp, sẽ đến xem tận mắt. Nơi này được gọi là Thư viện Tưởng niệm Komura.

Tôi đến phòng thông tin du lịch ở ga, hỏi cách đến đó. Một bà trung niên hòa nhã đánh dấu vị trí trên một tấm bản đồ du lịch và chỉ dẫn tôi phải đi tàu nào, chuyến nào. Một cuốc chừng hai mươi phút, bà giải thích. Tôi cảm ơn bà và ra xem bảng giờ tàu niêm yết ở ga. Cứ khoảng hai mươi phút lại có một chuyến. Còn dư thời gian, tôi đến một quán ăn nhỏ mua một suất trưa mang ra ngoài.

Tàu chỉ có hai toa ghép lại. Đường tàu cắt ngang một khu thương xá cao tầng, rồi đi qua một khu hỗn hợp gồm cả nhà ở lẫn cửa hàng, xí nghiệp lẫn họ hàng. Tiếp đến một công viên và một khu chung cư đang xây dựng. Tôi áp mặt vào cửa kính, hau háu nhìn như nuốt những cảnh vật xa lạ ấy. Tôi ít khi ra khỏi Tokyo, nên nhìn mọi thứ đều tươi, mới. Vào giờ này, con tàu đi ra ngoại ô gần như trống rỗng, nhưng mé ke bên kia lại đầy những học sinh tiểu học và trung học mặc đồng phục mùa hè, cặp sách đeo chéo qua vai. Tất cả đều đi đến trường. Riêng mình tôi đi về hướng ngược lại. Chúng tôi đi trên những tuyến đường khác nhau theo nhiều cách. Đột nhiên, tôi cảm thấy không khí như loãng ra và một cái gì đè nặng lên ngực. Tôi có thực sự hành động đúng không? Ý nghĩ đó khiến tôi cảm thấy đơn côi. Tôi quay lưng lại phía bọn học sinh và ráng không nhìn chúng nữa.

Tàu chạy dọc ven biển một lúc, rồi rẽ vào vùng nội địa, qua những cánh đồng ngô và nho, những triền đồi bậc thang trồng quýt. Lác đác, những hồ tưới tiêu lấp lánh dưới nắngột con sông trong mát uốn khúc qua một thung lũng, một dải đất hoang cỏ mọc um tùm. Một chú chó đứng ngay cạnh đường ray ngây ngô nhìn con tàu vút qua. Ngắm nhìn quang cảnh ấy, tôi cảm thấy ấm áp và bình tâm lại. Tôi hít một hơi thật sâu và tự nhủ: "Rồi sẽ ổn thôi. Chỉ có một cách là tiến tới."

Tới ga, tôi theo bản đồ, đi về hướng Bắc, qua những dãy cửa hàng và nhà ở cũ kỹ. Dọc hai bên phố là những tường bao quanh nhà dân. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều kiểu tường khác nhau như thế - tường đen bằng ván, tường khối granít, tường đá bên trên có bụi cây. Toàn bộ khu này tĩnh lặng, phố xá vắng tanh. Thảng hoặc mới có một chiếc xe hơi chạy qua. Không khí thoang thoảng mùi biển, chắc là biển cũng gần đây thôi. Tôi lắng tai nhưng không nghe thấy tiếng sóng. Tuy nhiên, tôi nghe thấy văng vẳng từ xa tiếng cưa điện vè vè như ong bay, có lẽ từ một công trường xây dựng. Dọc đường từ ga trở đi, có những biển nhỏ với những mũi tên chỉ về hướng thư viện, nên tôi không thể lạc.

Ngay trước cánh cổng bề thế của Thư viện Tưởng niệm Komura là hai cây mận được xén tỉa gọn gàng. Bên trong, những lối đi rải sỏi ngoằn ngoèo qua những đám cây khác cũng được tỉa đẹp đẽ - thông, mộc lan, đỗ quyên... - không hề thấy một chiếc lá rơi trên mặt đất. Thấp thoáng giữa những bụi cây là những trụ đèn đá và cả một cái hồ nhỏ. Cuối cùng, tôi tới cửa vào thiết kế rất tinh vi. Tôi dừng lại trước cánh cửa mở, tần ngần một lúc. Nơi này không giống bất kỳ thư viện nào tôi từng thấy. Nhưng đã vượt cả một quãng đường dài như thế, dẫu sao tôi cũng phải dấn bước vào. Ngay bên trong cửa, một thanh niên ngồi ở quầy gửi túi. Tôi cởi ba lô, kính râm và mũ.

"Cậu đến đây lần đầu?" anh ta hỏi bằng một giọng bình thản, thư thái. Giọng anh hơi the thé, nhưng dịu dàng, êm ái.

Tôi gật đầu, nhưng không biết nói gì. Câu hỏi đến bất ngờ làm tôi có phần căng thẳng.

Kẹp một cây bút chì dài vừa gọt trong tay, anh ta đăm đăm nhìn tôi một lúc. Cây bút chì màu vàng, có một cái tẩy nhỏ ở đầu kia. Mặt anh ta thuộc loại nhỏ nhắn, nét đều đặn. Xinh xắn, chứ không điển trai nếu muốn mô tả cho chính xác. Anh ta mặc sơ mi vải bông màu trắng, cổ gài cúc hai đầu, quần màu xanh ô-liu, là phẳng phiu. Khi cúi xuống, mái tóc dài xõa xuống trán, thi thoảng anh ta đưa tay vuốt ngược lên. Tay áo xắn đến khuỷu để lộ đôi cổ tay trắng trẻo mảnh dẻ. Cặp kính gọng thanh nhã tinh tế để tôn thêm diện mạo của anh. Tấm thẻ plastic gắn trên ngực anh ghi rõ tên Oshima. Không giống loại thủ thư mà tôi thường gặp.

"Cậu cứ thoải mái tìm ở các ngăn sách," anh ta bảo tôi, "nếu thấy cuốn nào cậu thích đọc thì chỉ việc mang ra phòng đọc. Những sách hiếm đều đóng triện đỏ ở trên, muốn đọc phải ghi phiếu yêu cầu. Đằng kia, ở bên phải là phòng tra cứu. Có một danh mục tác phẩm và một máy vi tính cho độc giả sử dụng tìm tư liệu. Không được phép mang sách ra ngoài. Thư viện không có báo và tạp chí. Không được phép mang theo máy ảnh. Và cấm mọi sự sao chép. Muốn ăn, uống, phải ra ngoài, ngồi trên ghế băng. Năm giờ đóng cửa." Anh ta đặt bút chì lên bàn và hỏi thêm: "Cậu đang học trung học?"

"Vâng," tôi đáp sau khi hít một hơi thật sâu.

"Thư viện này có hơi khác với các thư viện mà cậu quen lui tới," anh ta nói. "Chúng tôi chuyên về một số thể loại sách, chủ yếu là sách cổ của các nhà thơ tanka[[6]](#filepos2618873) và haiku. Dĩ nhiên chúng tôi cũng có một bộ tuyển các sách đại cương. Phần lớn những người đáp tàu ra tận đây đều làm công việc nghiên cứu trong những lĩnh vực này. Không ai đến đây để đọc cuốn tiểu thuyết mới nhất của Stephen King[[7]](#_22_2) cả. T cũng có sinh viên đại học đến, nhưng cỡ tuổi cậu thì rất hiếm. Vậy cậu nghiên cứu tanka hay haiku?"

"Không," tôi trả lời.

"Tôi cũng nghĩ thế."

"Thế tôi vẫn được phép vào đọc chứ?" tôi rụt rè hỏi, cố giữ cho giọng khỏi run.

"Dĩ nhiên là được." Anh mỉm cười và đặt cả hai tay lên bàn. "Đây là một thư viện, chính tôi cũng chẳng mê tanka hay haiku gì cho lắm."

"Đây quả là một ngôi nhà đẹp."

Anh gật đầu. "Gia đình Komura là một nhà sản xuất rượu sakê quan trọng từ thời Edo," anh giải thích, "và cha của ông chủ hiện thời là một người mê sách, nổi tiếng toàn quốc vê việc bôn ba khắp nước để lùng sách. Bản thân cụ thân sinh ra ông cũng là một nhà thơ và nhiều nhà văn thường ghé lại đây mỗi khi có việc đến Shikoku. Chẳng hạn như Wakayama Bokusui hay Ishikawa Takuboku và Shiga Naoya. Một số trong bọn họ hẳn thấy nơi này rất thoải mái dễ chịu nên đã lưu lại dài dài. Nói chung, gia đình không bao giờ dè sẻn chi tiêu khi đụng đến văn chương nghệ thuật. Điều thường xảy ra với một gia đình như thế, là chung cuộc một hậu duệ sẽ phá tán những gì được thừa kế, nhưng may thay, gia đình Komura đã tránh được cái mệnh ấy. Họ hưởng thụ và duy trì thú chơi sách nhưng mặt khác, bảo đảm tốt công việc kinh doanh."

"Vậy là họ giàu," tôi nói, khẳng định điều hiển nhiên.

"Rất giàu." Môi anh ta hơi bĩu ra. "Không bằng thời kỳ trước chiến tranh, nhưng vẫn còn ối của. Vì thế nên họ vẫn duy trì được một thư viện tuyệt vời như thế này. Cố nhiên, biến nó thành một cơ sở lợi ích công cộng giúp họ giảm được thuế thừa kế, nhưng đó là chuyện khác. Nếu cậu thực sự quan tâm đến ngôi nhà này, tôi khuyên cậu nên theo một đoàn du lịch đến đây vào hồi hai giờ. Mỗi tuần chỉ có một buổi tham quan có hướng dẫn vào chiều thứ Ba, tình cờ lại đúng vào ngày hôm nay. Trên tầng hai, có một bộ sưu tập tranh và ký họa quý hiếm và, riêng về mặt kiến trúc, ngôi nhà này cũng đủ mê hồn. Tôi biết cậu sẽ rất thích."

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Không có gì," nụ cười của anh ngụ ý vậy. Anh lại cầm cây bút chì lên, dỗ dỗ đầu có tẩy xuống mặt bàn như thể khuyến khích tôi.

"Anh có phải là người hướng dẫn không?"

Oshima mỉm cười. "Không, tôi chỉ là trợ lý quèn thôi. Phụ trách ở đây là một bà tên là Saeki - sếp của tôi. Bà ấy là bà con với nhà Komura. Đích thân bà sẽ hướng dẫn khách tham quan. Tôi dám chắc cậu sẽ thích bà ấy. Một con người tuyệt vời."

Tôi vào phòng lưu trữ có trần cao và lang thang giữa những giá sách, tìm một cuốn nào có vẻ lý thú. Những xà gồ đẹp chạy ngang trần nhà và nắng sớm êm dịu đầu hạ rọi chiếu qua khung cửa sổ rộng mở. Tiếng chim ríu rít ngoài vườn lọt vào. Chắc chắn đám sách trên những giá trước mặt tôi chủ yếu là về thơ cổ điển Nhật Bran như Oshima nói. Tanka và haiku, tiểu luận về thơ, tiểu sử của các nhà thơ. Cũng có một lô sách về lịch sử địa phương. Một giá ở cuối phòng chứa các loại sách khoa học nhân văn đại cương - các tuyển tập văn học Nhật Bản và thế giới, trước tác của từng nhà văn riêng rẽ, sách kinh điển, sách triết học, kịch, lịch sử nghệ thuật, xã hội học, địa lý... Mỗi lần tôi mở những cuốn sách ấy, một mùi của thời xưa lại phả ra từ những trang chữ - cái mùi đặc biệt của tri thức và những cảm xúc từ bao đời nay vẫn an nghỉ giữa những tấm bìa. Tôi hít cái mùi đó vào, lướt qua vài trang đặt trả mỗi cuốn về kệ của nó.

Cuối cùng, tôi quyết định chọn một tập trong bộ Nghìn Lẻ Một Đêm, bản dịch của Burton, bìa đẹp, và mang về phòng đọc. Từ lâu, tôi đã muốn đọc cuốn sách này. Vì thư viện vừa mới mở cửa, chưa có ai khác đến, nên một mình tôi chiếm lĩnh cả phòng đọc sang trọng. Nó đúng hệt như trong bức ảnh trên tờ họa báo - rộng rãi, trần cao, tiện nghi. Thi thoảng, một làn gió nhẹ thổi qua cửa sổ để ngỏ, tấm rèm trắng khẽ sột soạt trong không khí thoang thoảng mùi biển. Và chiếc ghế bành mới thoải mái làm sao! Một chiếc dương cầm cổ kê trong góc. Toàn bộ khung cảnh khiến tôi cảm thấy như đang ở trong nhà một người bạn thân.

Một ý nghĩ chợt đến với tôi trong khi thả mình thư giãn trên chiếc ghế bành và nhìn quanh phòng. Đây đích thị là nơi tôi vẫn tìm kiếm từ trước tới nay. Một nơi ẩn náu đâu đó giữa lòng đô thành. Xưa nay, tôi vẫn nghĩ về nó như một chỗ bí mật tưởng tượng và hầu như không tin rằng nó thực sự hiện hữu. Tôi nhắm mắt lại, hít một hơi thật sâu và để cho sự kỳ diệu của phát hiện mới này trùm lên tôi như một đám mây êm nhẹ. Tôi chậm rãi ve vuốt lớp bọc màu kem của ghế bành, rồi đứng dậy đi tới chiếc dương cầm, mở nắp và đặt cả mười đầu ngón tay lên dãy phím màu ngà. Tôi đóng nắp và bước trên tấm thảm bạc màu có họa tiết dàn nho đi ngang qua phòng, tới chỗ cửa sổ và thử xoay xoay quả đấm. Tôi bật rồi tắt đèn sàn, xem xét kỹ tất cả những tranh treo trên tường. Cuối cùng, tôi trở lại ngồi phịch xuống ghế, đọc tiếp từ chỗ bỏ dở trong cuốn Nghìn Lẻ Một Đêm.

Đến trưa, tôi mang chai nước khoáng và hộp đựng bữa trưa ra hàng hiên trông ra vườn ngồi ăn. Nhiều loại chim khác nhau bay lượn trên đầu, chấp chới từ cây này sang cây kia hoặc sà xuống hồ để uống nước hay rỉa lông. Có một số loại trước đây tôi chưa từng thấy. Một chú mèo nâu xuất hiện như dấu hiệu cảnh báo khiến chúng bay tản đi, mặc dầu chú mèo có vẻ chẳng thiết gì mấy con chim nhãi nhép. Chú chỉ muốn nằm ườn xác trên những bậc đá mà tận hưởng ánh nắng ấm áp.

"Hôm nay trường cậu đóng cửa à?" Oshima hỏi khi tôi quay trở về phòng đọc và bỏ chiếc ba lô xuống.

"Không," tôi đáp, cẩn thận lựa chọn từng chữ, "nhưng tôi vừa quyết định nghỉ một thời gian."

"Không chịu đến trường?" anh ta nói.

"Tựa như thế."

Oshima nhìn tôi với vẻ rất quan tâm: "Tựa như thế?"

"Không phải là tôi không chịu đến trường, mà là tôi vừa quyết định không đi học nữa."

"Cứ thản nhiên như không, tự mình quyết định thôi học?"

Tôi chỉ gật đầu. Tôi không biết trả lời ra sao.

"Theo Aristophanes trong Tiệc của Platon, trong thế giới huyền thoại cổ xưa có ba loại người," Oshima nói. "Cậu có nghe nói về điều này không?"

"Không."

"Thời xưa, con người không chỉ đơn thuần là đực hay cái, mà thuộc một trong ba loại này: đực/đực, đực/cái, hay cái/cái. Nói cách khác, mỗi người được tạo nên bằng những thành tố của hai người. Ai nấy đều bằng lòng với sự sắp đặt ấy và chẳng bao giờ nghĩ ngợi lôi thôi về chuyện đó cả. Nhưng rồi một hôm Thượng Đế mới lấy dao bổ đôi mỗi người, chia dọc từ chính giữa. Thế nên sau đó, thế giới mới chia rạch ròi thành nam và nữ, kết quả là suốt đời con người cứ chạy nháo nhào, cố tìm cái nửa thiếu kia của mình."

"Tại sao Thượng Đế lại làm thế?"

"Chia con người làm hai ấy à? Tôi cũng chịu. Công việc của Thượng Đế là bí ẩn. Những thứ như: cơn thịnh nộ của Chúa, cái kiểu lý tưởng chủ nghĩa thái quá, vân vân, ai mà hiểu được. Tôi đoán đây là một sự trừng phạt đối với một tội lỗi gì đó. Như trong Kinh Thánh, Adam và Eva bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng ấy."

"Tội tổ tông truyền," tôi nói.

"Đúng thế, tội tổ tông truyền," Oshima kẹp cây bút chì giữa ngón giữa và ngón trỏ, khẽ đu đưa như để thử độ thăng bằng. "Dù sao, tôi vẫn thấy con người ta sống một mình thật là khó."

Quay về phòng đọc, tôi đọc tiếp "Truyện anh hề Abu-I-Hasan," nhưng đầu óc tôi cứ lang bang ra khỏi cuốn sách. Đực/đực, đực/cái và cái/cái?

Đến hai giờ tôi đặt sách xuống, đứng dậy khỏi ghế và đi theo đoàn tham quan tòa nhà. Miss[[8]](#filepos2619625) Saeki trực tiếp hướng dẫn đoàn. Đó là một phụ nữ mảnh dẻ, khoảng 45-46 tuổi, theo ước đoán của tôi. Bà hơi cao so với thế hệ của mình. Bà mặc áo dài xanh lơ ngắn tay, ngoài khoác áo jakét đan màu kem, tư thế rất đàng hoàng. Tóc dài buộc lỏng sau gáy, mặt rất tao nhã và thông minh với đôi mắt đẹp và một nụ cười luôn thấp thoáng trên môi. Tôi không biết diễn tả thế nào, nhưng quả là nụ cười ấy tạo nên một cảm giác hoàn hảo, nó khiến tôi nghĩ đến một đốm nắng tươi, một đốm nắng đặc biệt chỉ có thể bắt gặp ở một nơi biệt lập. Ngôi nhà tôi ở Tokyo có một nơi như thế và từ nhỏ, tôi đã thích những đốm nắng như thế.

Người phụ nữ này gây một ấn tượng mạnh đối với tôi, khiến tôi cảm thấy nao nao nhớ. Giá bà là mẹ tôi thì tuyệt biết mấy! Tôi thường có ý nghĩ như vậy mỗi lần gặp một phụ nữ trung niên đáng yêu. Xác suất Miss Saeki là mẹ tôi hầu như là số không, tôi biết vậy. Tuy nhiên, vì tôi không hề biết mặt mẹ tôi, thậm chí cũng chẳng nhớ tên, nên khả năng ấy vẫn tồn tại, đúng không? Không có gì loại trừ nó hoàn toàn.

Gọi là đoàn tham quan nhưng ngoài tôi ra chỉ có một cặp trung niên đến từ Osaka. Bà vợ thấp, béo tròn, đeo kính dày như đít chai. Ông chồng gày gò, tóc thô cứng đến nỗi tôi chắc phải dùng bàn chải sắt thay vì lược mới trị nổi. Mắt nhỏ, trán rộng, khiến tôi nhớ đến một pho tượng ở một hòn đảo phía Nam đứng dõi mắt về phía chân trời. Bà vợ cứ một mình làm cả cuộc trò chuyện đơn phương, ông chồng thỉnh thoảng ậm ừ tiếng một để cho bà biết là ông còn sống. Ngoài ra, chốc chốc ông lại gật đầu để tỏ ra tán thưởng một cách đúng mức, hoặc giả lầm rầm một câu bình luận nhát gừng mà tôi không sao nghe ra. Cả hai đều nai nịt như để leo núi chứ không phải để tham quan thư viện, mỗi người mặc một chiếc áo vest chống mưa có hàng tỉ túi, đi ủng thắt dây chằng chịt và đội mũ đi rừng. Có thể là bao giờ họ cũng ăn mặc thế khi đi du lịch cũng nên. Họ có vẻ cũng đàng hoàng, tôi không phải là kẻ thấy sang bắt quàng làm họ, nhưng có họ tôi yên trí hơn vì không phải là khách tham quan duy nhất.

Miss Saeki bắt đầu thuyết minh về lịch sử của thư viện - về cơ bản cũng giống như Oshima đã kể với tôi. Gia đình Komura đã quyết định cống hiến thư viện cho sự nghiệp phát triển văn hóa của vùng bằng cách để cho công chúng đến với bộ sưu tập sách và tranh tích lũy qua nhiều thế hệ. Một quỹ tài trợ, lập trên cơ sở gia sản nhà Komura, hiện quản lý thư viện này và thỉnh thoảng bảo trợ những sinh hoạt văn hóa như thuyết trình, hòa nhạc thính phòng, v.v... Bản thân tòa nhà đượcừ đầu thời Minh Trị (1868), với hai chức năng: thư viện gia đình và nhà khách. Đến thời Taisho (1905), nó được cải tiến hoàn toàn - cất thêm một tầng và những phòng khách trú đẹp dành cho các nhà văn và nghệ sĩ đến thăm. Từ thời Taisho đến đầu thời Showa (1925), nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng đến thăm gia đình Komura đã để lại những vật lưu niệm - thơ phú, tranh, ký họa - để cảm tạ lòng hiếu khách của họ.

"Các vị có thể chiêm ngưỡng một số hiện vật chọn lọc từ bộ sưu tập quý giá này ở gallery tầng hai," Miss Saeki nói thêm. "Trước Thế chiến thứ hai, văn hóa vùng này phong phú lên chính là nhờ những nhà giàu sành điệu như gia đình Komura hơn là do những cố gắng của chính quyền địa phương. Nói tóm lại, họ là những Mạnh Thường Quân văn nghệ. Một trong những lý do khiến tiỉh Kagawa sản sinh ra nhiều thi sĩ tanka và haiku tài năng là sự tận tâm của gia đình Komura dốc lòng dốc sức xây dựng và ủng hộ văn hóa nghệ thuật địa phương. Rất nhiều sách, tiểu luận và hồi ức hấp dẫn về lịch sử những giới nghệ thuật ấy đã được xuất bản, các vị có thể tìm thấy tất cả trong phòng đọc của chúng tôi. Hy vọng các vị bỏ thời gian ngó qua những sách ấy."

"Qua bao năm lưu truyền, các chủ gia đình dòng họ Komura đều rành nghệ thuật, đặc biệt tinh tế trong việc đánh giá những gì thực sự xuất sắc. Cái đó tựa như có sẵn trong máu vậy. Họ là những Mạnh Thường Quân nghệ thuật rất tinh, bao giờ cũng hỗ trợ những tài năng đích thực mang những hoài bão cao nhất, sáng tạo những tác phẩm xuất chúng. Nhưng như các vị thừa biết, trong nghệ thuật không có cái gọi là con mắt tuyệt đối hoàn hảo. Rủi thay, một số nghệ sĩ kiệt xuất lại không chiếm được sự ưu ái của họ hoặc không được đón nhận một cách xứng đáng. Một trong những người đó là nhà thơ haiku Taneda Santoka. Theo sổ tiếp tân, Santoka đã lưu lại đây nhiều lần, mỗi lần đều để lại thơ và tranh vẽ. Tuy nhiên, chủ nhân lại gọi ông là "một tên ăn xin khoác lác," không muốn dây dưa với ông ta và trên thực tếứt bỏ phần lớn những tác phẩm ấy."

"Thật phí phạm ghê gớm," bà khách từ Osaka nói, tỏ ra thực sự tiếc. "Ngày nay, tác phẩm nguyên bản của Santoka cao giá lắm."

"Bà nói chí lý," Miss Saeki tươi cười nói. "Nhưng hồi đó, chưa ai biết đến Santoka, nên có lẽ điều đó là tất yếu. Có nhiều điều mãi về sau ta mới thấy rõ."

"Bà nói đúng," ông chồng xen vào.

Sau đó, Miss Saeki dẫn chúng tôi đi quanh tầng một, chỉ cho chúng tôi xem các giá lưu trữ, phòng đọc, bộ sưu tập sách hiếm.

"Khi xây dựng thư viện này, vị chủ gia đình quyết định không theo cái phong cách giản dị và tao nhã được các nghệ sĩ ở Kyoto ưa chuộng, mà chọn một cái thiết kế giống một ngôi nhà thôn dã hơn. Tuy nhiên, như các vị có thể thấy, tương phản với cấu trúc thô nháp của tòa nhà, đồ đạc và khung tranh lại rất tinh chế và lộng lẫy. Chẳng hạn, hình chạm khắc trên những tấm ván gỗ này rất tao nhã. Tất cả các nghệ sĩ tài hoa nhất ở Shikoku đã được tập hợp để tham gia xây dựng công trình này."

Chúng tôi bắt đầu lên gác, phía trên cầu thang là một trần vòm cao vút. Tay vịn bằng gỗ mun được đánh bóng đến mức tưởng như nếu chạm tay vào thì ắt sẽ in hằn dấu. Trên một cửa kính mờ kề sát chiếu nghỉ, một chú hươu vươn cổ gặm lá nho. Tầng hai có hai phòng khách và một sảnh rộng mà hồi xưa hẳn la liệt chiếu tatami trải khắp sàn, phục vụ cho các buổi đại tiệc và hội họp. Ngày nay, sàn gỗ trống trơn và tường treo đầy những bản thư pháp đóng khung, tranh trục cuốn và tranh theo phong cách Nhật Bản. Ở giữa, một tủ kính bày những vật lưu niệm với lai lịch của từng thứ. Phòng kiểu Tây có một bàn giấy lớn và một ghế xoay hình như vẫn có người đang dùng. Bên ngoài cửa sổ sau bàn giấy là một rặng thông qua đó thấpường chân trời.

Cặp vợ chồng từ Osaka dạo quanh phòng khách, xem kỹ tất cả các hiện vật trưng bày, đối chiếu với những chú giải trong tờ hướng dẫn. Mỗi khi bà vợ bình luận câu gì, ông chồng lại phụ họa theo. Một cặp uyên ương tâm đầu ý hợp về mọi điểm. Những vật trưng bày không hấp dẫn tôi lắm, nên tôi chú mục vào những chi tiết kiến trúc. Trong khi tôi đang sục sạo quanh phòng khách Tây, Miss Saeki lại gần và bảo: "Em có thể ngồi vào chiếc ghế này nếu em muốn. Shiga Naoya và Tanizaki, cả hai đều đã từng ngồi ở đây một đôi lần. Dĩ nhiên, dạo ấy chưa có chiếc ghế này."

Tôi ngồi xuống chiếc ghế xoay và lặng lẽ đặt tay lên bàn giấy.

"Thế nào? Cảm thấy như mình có thể viết nên một cái gì chứ?"

Tôi hơi đỏ mặt và lắc đầu. Miss Saeki cười và quay lại chỗ cặp vợ chồng. Từ chỗ chiếc ghế, tôi quan sát cung cách của bà, thảy cử chỉ nào cũng tự nhiên và thanh lịch. Tôi không thể diễn đạt được trọn vẹn, nhưng quả thật là có một cái gì đặc biệt nơi dáng điệu của bà, như thể bằng cách quay lưng lại, bà đang nói với tôi một điều gì mà khi đối mặt tôi bà không thốt lên được. Nhưng đó là điều gì, thì tôi chịu, không sao biết được. Phải chấp nhận thôi, tôi tự nhắc nhở mình - có hàng tỉ điều mày không sao biết được đâu.

Vẫn ngồi ở ghế, tôi lia mắt nhìn bao quát căn phòng. Trên tường có một bức sơn dầu, rành là vẽ bờ biển ngay gần đây. Tranh vẽ theo lối cổ, nhưng màu còn tươi và sống động. Trên mặt bàn có một cái gạt tàn lớn và một cái đèn có chụp màu lam. Tôi bật công tắc và dĩ nhiên là đèn sáng lên. Mé tường đối diện treo một chiếc đồng hồ, ngó bộ từ thời hồng hoang nào đó, tuy kim vẫn chỉ đúng giờ. Sàn gỗ đôi chỗ bị thủng và hơi cót két

Cuối buổi tham quan, cặp vợ chồng từ Osaka cảm ơn Miss Saeki rồi biến mất. Hóa ra họ là thành viên của một câu lạc bộ tanka ở vùng Kansai. Tôi tự hỏi không biết họ làm cái thứ thơ gì - nhất là ông chồng. Chỉ ậm ừ và gật đầu thì làm sao ra thơ. Nhưng biết đâu một tài năng tàng ẩn lại bộc lộ khi ông ta viết thơ.

Tôi quay lại phòng đọc và đọc tiếp từ chỗ bỏ dở trong cuốn Nghìn Lẻ Một Đêm. Trong buổi chiều, có thêm một số độc giả khác, phần lớn đeo kính - loại kính người già thường đeo và khi đeo vào, trông ai nấy đều như nhau. Thời gian qua chậm. Không ai nói một lời, tất cả đều im lặng đọc miệt mài. Có một người ghi chép, nhưng số còn lại ngồi im, hoàn toàn chìm đắm vào những trang sách. Y như tôi.

Năm giờ, tôi gấp sách, đặt trả lại trên giá. Ra đến cửa, tôi hỏi: "Buổi sáng, mấy giờ thư viện mở cửa?"

"Mười một giờ," Oshima trả lời. "Cậu định mai quay lại à?"

"Nếu không có gì phiền hà."

Oshima nheo mắt nhìn tôi. "Tất nhiên là không. Thư viện là nơi dành cho những người muốn đọc. Tôi sẽ rất vui nếu cậu trở lại. Tôi hỏi khí không phải: bao giờ cậu cũng đeo cái ba lô này trên lưng à? Coi bộ nặng nhỉ. Có cái quái gì trong ấy vậy? Những thoi vàng chăng?"

Tôi đỏ mặt.

"Đừng lo - tôi không thực sự tìm cách vạch vòi gì đâu." Oshima ấn đầu có tẩy của cây bút chì vào thái dương bên phải. "Vậy thì mai gặp lại nhé."

"Tạm biệ

Thay vì giơ tay chào, anh ta vẫy cây bút chì.

Tôi đáp tàu trở về Takamatsu. Tôi ghé vào ăn tối trong một nhà hàng rẻ tiền ở gần ga, gọi món sườn gà và xa-lát. Tôi lấy thêm một bát cơm và uống một cốc sữa nóng sau bữa ăn. Ở một siêu thị mini bên ngoài, tôi mua một chai nước khoáng và hai nắm cơm phòng khi đói bụng vào lúc nửa đêm, rồi đi về khách sạn. Tôi giữ nhịp bước không quá nhanh, cũng không quá chậm, bình thường như mọi người khác, nên không ai để ý đến tôi.

Khách sạn khá lớn, một khách sạn kinh doanh hạng hai điển hình. Tại quầy tiếp tân, tôi ghi Kafka thay vì tên thật của mình, khai man tuổi, cho địa chỉ ma trong phiếu đăng ký và trả tiền cho một đêm. Tôi hơi chờn chợn, nhưng không một nhân viên tiếp tân nào tỏ vẻ nghi ngờ. Không có ai la lớn Này, chúng tao biết tỏng mưu mẹo của mày, thằng nhóc mười lăm tuổi ranh trốn nhà đi hoang! Mọi sự êm ru, hợp thức như thường lệ.

Thang máy đưa tôi lên tầng sáu trong tiếng lách cách dễ sợ. Căn phòng nhỏ xíu, với thiết bị bao gồm một cái giường gớm guốc, một cái gối cứng như đá, một thứ đồ gỗ con con gọi là bàn, một chiếc tivi bé tẹo, những tấm rèm bạc phếch vì dãi nắng. Buồng tắm bằng cái lỗ mũi, chẳng có dầu gội đầu cũng như các thứ dung dịch vệ sinh khác. Nhìn ra ngoài cửa sổ, chỉ thấy bức tường nhà bên. Tuy nhiên, tôi không nên phàn nàn vì dù sao tôi cũng có một mái nhà trên đầu và nước nóng chảy ra từ vòi nước. Tôi quẳng ba lô xuống sàn, ngồi vào ghế, ráng thích ứng với môi trường xung quanh.

Ta tự do rồi, tôi tự nhủ. Tôi nhắm mắt lại và cố suy nghĩ thật sâu, thật kỹ xem mình tự do đến mức nào, nhưng không sao nắm được đầy đủ ý nghĩa của điều đó. Tôi chỉ biết là mình hoàn toàn trơ trọi. Hoàn toàn một mình ở một nơi xa lạ, như một nhà thám hiểm đơn độc vừa mất cả la bàn lẫn bản đồ. Phải chăng tự do có nghĩa là thế? Tôi chẳng biết và tôi bỏ cuộc, thôi không nghĩ về điều đó nữa.

Tôi vặn nước nóng, tắm thật lâu, đánh răng thật kỹ trước bồn rửa mặt. Tôi gieo mình xuống giường, nằm đọc, đọc chán lại xem tin trên tivi. Nhưng so với những gì tôi đã trải qua trong ngày hôm ấy, tin tức có vẻ nhạt nhẽo và chán phèo. Tôi tắt tivi và chui vào chăn. Đã mười giờ đêm, nhưng tôi vẫn kkhông sao ngủ được. Một ngày mới ở một nơi mới toanh. Lại là sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi nữa - mà tôi đã qua phần lớn thời gian tại các thư viện khác thường, đáng yêu đó. Tôi đã gặp một số người mới: Sakura, Oshima, Miss Saeki. Ơn trời, chẳng có ai đáng sợ cả. Phải chăng đó là một điềm lành?

Tôi nghĩ đến ngôi nhà của mình ở Nogata, Tokyo, đến cha tôi. Liệu ông cảm thấy thế nào khi phát hiện ra là tôi đột nhiên biến mất? Nhẹ nhõm chăng? Bối rối? Hoặc thậm chí là chẳng cảm thấy gì cả. Tôi dám cược là ông thậm chí chưa nhận thấy sự vắng mặt của tôi nữa kia.

Tôi chợt nhớ đến chiếc điện thoại di động của cha tôi và lấy ra khỏi ba lô. Tôi bật máy và bấm số điện thoại của nhà tôi. Chuông réo, cách hơn 700 cây số mà rõ như ở phòng bên cạnh. Chột dạ, tôi tắt máy sau hồi chuông thứ hai. Tim tôi vẫn đập dồn. Máy di động vẫn hoạt động, có nghĩa là cha tôi chưa hủy hợp đồng. Có thể ông chưa nhận thấy nó đã biến khỏi bàn giấy của mình. Tôi nhét trở lại chiếc máy di động vào ba lô, tắt đèn và nhắm mắt lại. Đêm ấy, tôi chẳng mộng mị gì cả. Ngẫm lại, đã bao lâu nay tôi không nằm mơ.